

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2025

Chủ đề đại hội

CHUNG SỨC, ĐỒNG LÒNG XÂY DỰNG ĐẢNG, HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH, HOẠT ĐỘNG HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ; PHÁT HUY TỐI ĐA CÁC TIỀM NĂNG, LỢI THẾ, QUYẾT TÂM THỰC HIỆN THẮNG LỢI MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ ĐẾN NĂM 2030, BẢO ĐẢM VỮNG CHẮC QUỐC PHÒNG, AN NINH; XÂY DỰNG TỈNH ĐẮK LẮK PHÁT TRIỂN NHANH, BỀN VỮNG, VĂN MINH, BẢN SẮC

(Báo cáo chính trị trình Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2025-2030

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2025 - 2030 diễn ra trong bối cảnh cả nước nói chung và tỉnh Đắk Lắk nói riêng có nhiều thời cơ, thuận lợi, đan xen với khó khăn, thách thức. Với phương châm **“Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Đổi mới - Phát triển”**, Đại hội quyết tâm lãnh đạo hệ thống chính trị, cán bộ, đảng viên và Nhân dân các dân tộc trong tỉnh thực hiện khát vọng xây dựng tỉnh Đắk Lắk giàu đẹp, văn minh, bản sắc, cùng cả nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam.

A- KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XVII, NHIỆM KỲ 2020-2025

I- KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Lĩnh vực kinh tế

Trong bối cảnh có nhiều khó khăn, thách thức, nền kinh tế của hai tỉnh duy trì được tốc độ tăng trưởng khá, quy mô kinh tế ngày càng mở rộng. Tăng trưởng GRDP (theo giá so sánh) đạt khoảng 6,24%/năm (trong đó: Đắk Lắk đạt 6,31%/năm; Phú Yên đạt 6,1%/năm), cao hơn mức trung bình chung cả nước. Cả ba khu vực đều có tăng trưởng so với giai đoạn trước, trong đó điểm sáng là khu vực công nghiệp với mức tăng bình quân là 10,95%/năm. Tổng GRDP (theo giá hiện hành) trong 5 năm đạt khoảng 913.014 tỷ đồng, tăng bình quân 11,8%/năm; riêng năm 2025 dự kiến đạt 229.248 tỷ đồng, cao gấp 1,75 lần so với năm 2020. Đời sống người dân ngày càng được cải thiện, giá trị tổng sản phẩm bình quân đầu người tăng cao so với giai đoạn trước.

Cơ cấu kinh tế: Với mức tăng trưởng ổn định, tỷ trọng của khu vực nông, lâm

ng nghiệp, thủy sản trong tổng GRDP tăng từ 32,99% năm 2020 lên khoảng 34,52% năm 2025. Khu vực công nghiệp - xây dựng dịch chuyển tích cực, tỷ trọng trong nền kinh tế tăng từ 19,28% năm 2020 lên khoảng 21,76% vào năm 2025. Chịu tác động mạnh của đại dịch COVID-19, tỷ trọng đóng góp của khu vực dịch vụ giảm từ 43% năm 2020 còn khoảng 39,9% vào năm 2025.

Tổng huy động vốn đầu tư toàn xã hội trong 5 năm khoảng 302.638 tỷ đồng, chiếm 33% tổng GRDP theo giá hiện hành. Kinh tế tư nhân đóng góp tích cực vào tăng trưởng, huy động được nhiều nguồn vốn đầu tư vào sản xuất kinh doanh. Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đạt kết quả khả quan; số dự án thu hút được và số vốn đăng ký cao, đa dạng hơn về lĩnh vực đầu tư so với giai đoạn trước. Cơ cấu thu, chi ngân sách nhà nước chuyển biến tích cực theo hướng tăng tỷ trọng thu nội địa và chi đầu tư phát triển, giảm chi thường xuyên. Hằng năm, thu ngân sách nhà nước đều đạt và vượt mức Trung ương giao. Kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách nhà nước tiếp tục được tăng cường.

Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản phát triển khá nhanh theo hướng chất lượng cao, bền vững; đóng vai trò “trụ đỡ” duy trì tốc độ tăng trưởng và mở rộng quy mô kinh tế của tỉnh. Tăng trưởng ngành nông nghiệp bình quân giai đoạn 2021 - 2025 đạt 5,24%/năm. Sản xuất nông nghiệp tiếp tục có những thay đổi tích cực, từ sản xuất dựa trên khai thác tài nguyên thiên nhiên và nguồn lực xã hội đã bắt đầu hướng đến những “giá trị xanh”. Cơ cấu nội bộ ngành chuyển dịch theo hướng phát huy lợi thế so sánh của ngành, ứng dụng khoa học công nghệ trong nông nghiệp được chú trọng, năng suất, chất lượng các sản phẩm có lợi thế và thị trường như: cà phê, cao su, sầu riêng, các loại cây công nghiệp giá trị cao, cá ngừ, tôm hùm, tôm thẻ... được nâng lên đáng kể; giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích bình quân đạt 195 triệu đồng/ha. Đã hình thành được một số khu, vùng nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ có quy mô lớn (*Xuân Thiện, Chánh Thu của tỉnh Đắk Lắk*). Cơ sở hạ tầng Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên được quan tâm đầu tư.

Chăn nuôi bước đầu chuyển dịch theo hướng chăn nuôi công nghiệp, trang trại quy mô lớn, công nghệ cao; tập trung tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị ngành hàng gắn với bảo đảm an toàn sinh học, mở rộng chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP. Lĩnh vực thủy sản từng bước được cơ cấu lại theo hướng tăng tỷ trọng giá trị nuôi trồng, giảm dần tỷ trọng khai thác ven bờ, gắn với chế biến và xuất khẩu; giá trị sản phẩm và sức cạnh tranh ngày càng được nâng cao; giá trị sản phẩm nuôi trồng thủy hải sản trên một đơn vị diện tích bình quân đạt 497 triệu đồng/ha, trong đó riêng Phú Yên đạt khoảng 1,3 tỷ đồng/ha. Hệ thống cảng cá, dịch vụ hậu cần nghề cá, khu neo đậu tránh trú bão tàu thuyền được chú trọng đầu tư. Công tác chống khai thác thủy sản bất hợp pháp được tập trung chỉ đạo. Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tiếp tục được triển khai rộng khắp, thực chất, bộ mặt nông thôn có nhiều khởi sắc;

có 03 đơn vị hành chính cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có 01 huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao. Việc xây dựng thương hiệu cà phê Buôn Ma Thuột, phát triển cà phê đặc sản hướng đến mục tiêu “*Đắk Lắk là điểm đến của cà phê thế giới*” và thương hiệu tôm hùm Phú Yên được chú trọng thực hiện. Hạ tầng thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp tiếp tục được chú trọng đầu tư từ nhiều nguồn vốn. Công tác quản lý, phát triển và bảo vệ rừng được quan tâm.

Công nghiệp chế biến, chế tạo, năng lượng tái tạo có bước phát triển nhanh; hoạt động xây dựng đạt được nhiều kết quả tích cực.

Cơ cấu nội ngành công nghiệp chuyển dịch đúng hướng, giảm dần tỷ trọng khai thác, tăng nhanh chế biến, chế tạo. Công nghiệp chế biến, bảo quản sau thu hoạch được chú trọng phát triển, xuất hiện sản phẩm mới như sợi dệt, trái cây sấy cao cấp... Năng lượng tái tạo phát triển đúng định hướng, trở thành điểm sáng trong phát triển công nghiệp của tỉnh. Các khu, cụm công nghiệp từng bước được đầu tư, hoàn thiện, góp phần tạo điều kiện cho thu hút doanh nghiệp đầu tư vào tỉnh. Tỷ lệ lấp đầy tại KCN Hòa Phú (Đắk Lắk), Hòa Hiệp 2 (Phú Yên) đạt 100%; bình quân các KCN khác đạt khoảng 77,6%. Hiện có 19 Cụm công nghiệp đang hoạt động với diện tích 675,05 ha. Ngoài ra, tỉnh đang tiến hành thủ tục đầu tư và xây dựng 07 Khu công nghiệp với tổng diện tích khoảng 3.357 ha; trong đó có 1 số dự án có quy mô lớn đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư như: Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Phú Xuân, Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Tâm (giai đoạn 1), Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp công nghệ cao Phú Yên.

Công tác quy hoạch, vật liệu xây dựng, phát triển nhà ở và hạ tầng kỹ thuật được đẩy mạnh, góp phần nâng cao chất lượng đô thị. Hệ thống đô thị phát triển nhanh về số lượng, quy mô; tỷ lệ đô thị hóa tăng, hình thành mạng lưới đô thị trung tâm - vệ tinh liên kết vùng.

Ngành dịch vụ tiếp tục được cơ cấu lại theo hướng nâng cao chất lượng; thương mại điện tử, du lịch có bước phát triển khá. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn trong 5 năm 2021-2025 ước đạt 752.186 tỷ đồng, bình quân tăng 9,1%/năm. Các hoạt động thương mại, thương mại điện tử, mua bán trên nền tảng số được khai thác hiệu quả, dần trở thành kênh phân phối quan trọng. Công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường được tăng cường, giá cả hàng hóa ổn định. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu tăng cao so với giai đoạn trước. Kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân 11,2%/năm; ngoài các sản phẩm xuất khẩu truyền thống như: Tôm hùm, cá ngừ đại dương... Cà phê nhân, hạt tiêu, hạt điều, sản phẩm sắn, cà phê hòa tan, cao su, sản phẩm mật ong, còn xuất khẩu một số sản phẩm mới như: mắc ca sấy, ca cao, trái cây cấp đông, trái cây sấy dẻo...

Dịch vụ du lịch phát triển khá, tăng tốc phát triển, phục hồi tích cực sau đại dịch COVID-19; kết cấu hạ tầng du lịch được quan tâm đầu tư, các cơ sở lưu trú tiếp

tục phát triển, nâng cao chất lượng phục vụ, đáp ứng nhu cầu của du khách và yêu cầu của các Lễ hội quy mô cấp quốc gia tổ chức tại tỉnh. Công tác xúc tiến, quảng bá và liên kết hợp tác phát triển du lịch được tích cực triển khai, góp phần truyền tải hình ảnh con người, tiềm năng, thế mạnh của tỉnh đến với du khách trong và ngoài nước; tổ chức thành công nhiều Lễ hội văn hoá, hội nghị, hội thảo, sự kiện văn hoá - thể thao lớn, thu hút lượng lớn khách du lịch trong nước và quốc tế. Lượng khách du lịch đến tỉnh trung bình hàng năm đạt khoảng 4,08 triệu lượt khách/năm, tổng doanh thu từ du lịch khoảng 6.463 tỷ đồng/năm.

Dịch vụ vận tải (*đường bộ, đường biển*) phát triển mạnh, đáp ứng tốt nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa của người dân. Dịch vụ bưu chính, viễn thông hoạt động ổn định; hạ tầng viễn thông tiếp tục được đầu tư, phát triển theo hướng đồng bộ, hiện đại, đáp ứng nhu cầu thông tin phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống tinh thần của người dân. Ngân hàng và các tổ chức tín dụng tiếp tục có bước phát triển mạnh về mạng lưới, quy mô; huy động vốn bình quân tăng 13,79%/năm, tổng dư nợ cho vay bình quân tăng 11,68%/năm; tỷ lệ nợ xấu dưới 3% tổng dư nợ cho vay, nằm trong tầm kiểm soát của các tổ chức tín dụng.

Công tác quản lý, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu được chú trọng, có chuyển biến tích cực. Hiệu lực, hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên được tăng cường. Quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất cấp huyện giai đoạn 2021-2030 được tổ chức rà soát, điều chỉnh và phê duyệt đồng bộ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh. Tổ chức rà soát, điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 cấp huyện phù hợp với Quy hoạch tỉnh. Công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất đáp ứng yêu cầu của các tổ chức, cá nhân và đúng trình tự, thủ tục theo quy định; triển khai quyết liệt nhiều giải pháp chấn chỉnh, nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về khoáng sản và xử lý nghiêm nhiều trường hợp vi phạm trong hoạt động khoáng sản. Công tác đo đạc, lập bản đồ, đăng ký đất đai, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai được tập trung thực hiện, cơ bản hoàn thành hệ thống thông tin đất đai toàn tỉnh. Công tác bảo tồn thiên nhiên, phát triển rừng được quan tâm; tỷ lệ che phủ rừng dự kiến đạt 41,37% vào cuối năm 2025 - tiệm cận mức bình quân cả nước. Các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu được triển khai đồng bộ, tập trung vào phòng, chống thiên tai, kiểm soát sạt lở, ngập úng ven biển, ven sông, thích ứng với đặc điểm địa hình miền núi - trung du - ven biển đa dạng. Công tác bảo vệ môi trường tiếp tục được tăng cường; tỷ lệ khu, cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung được nâng cao; các hành vi vi phạm về môi trường, khai thác tài nguyên trái phép được xử lý nghiêm.

Hạ tầng giao thông được quan tâm tập trung đầu tư từ nhiều nguồn vốn, liên kết vùng nhiều dự án trọng điểm quốc gia, liên vùng, liên tỉnh, liên huyện được đầu tư, đáp ứng ngày càng tốt hơn cho nhu cầu đi lại, vận chuyển trong và ngoài tỉnh. Mạng lưới giao thông đường bộ được đầu tư khá đồng bộ, kết nối thông suốt

từ trung tâm tỉnh đến các huyện, xã, từ đô thị đến nông thôn, từ khu vực Tây nguyên đến khu vực ven biển và các vùng kinh tế, khu vực xung quanh. Các dự án trọng điểm như cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột, cao tốc Bắc - Nam phía Đông, đường ven biển Phú Yên, các tuyến liên kết vùng được triển khai đúng tiến độ, hình thành mạng lưới giao thông chiến lược kết nối vùng. Công tác quản lý, bảo trì quốc lộ, tỉnh lộ được tăng cường, bảo đảm giao thông an toàn, thông suốt.

Tỷ lệ nhựa hóa, bê tông hóa đường liên thôn, liên xã được nâng cao; 100% xã có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa, thúc đẩy phát triển vùng sâu, vùng xa, ven biển, miền núi. Giao thông đường hàng không, đường biển, đường sắt được trung ương và địa phương chú trọng đầu tư, đang từng bước lập quy hoạch, kế hoạch để triển khai thực hiện đầu tư nâng cấp. Hệ thống cảng biển được quan tâm đầu tư. Cảng hàng không Buôn Ma Thuột và Cảng hàng không Tuy Hòa vận hành hiệu quả, sản lượng hành khách tăng qua các năm, góp phần nâng cao kết nối vùng. Hoàn thành công trình gia cố các hầm yếu kết hợp mở mới ga đường sắt Xuân Sơn Nam và xây dựng một số đoạn đường gom dọc đường sắt Bắc - Nam. Dịch vụ logistics, vận tải đa phương thức từng bước hình thành, nhất là tại các khu vực ven biển và cửa ngõ giao thương của tỉnh.

Công tác xúc tiến đầu tư, tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu tiềm năng, lợi thế của tỉnh, cơ hội đầu tư được tích cực thực hiện và có nhiều đổi mới. Gắn kết hiệu quả công tác xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại và xúc tiến du lịch; tăng cường hiệu quả hỗ trợ doanh nghiệp, nhà đầu tư trong quá trình triển khai đầu tư, sản xuất kinh doanh; thu hút được nhiều dự án chiến lược, tạo động lực bứt phá phát triển kinh tế - xã hội, nổi bật là các dự án thuộc lĩnh vực năng lượng tái tạo, công nghiệp chế biến, nhà ở, khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp. Giai đoạn 2021-2025, đã quyết định chủ trương đầu tư cho trên 200 dự án với tổng vốn đăng ký đầu tư trên 82.924 tỷ đồng (trong đó, Đắk Lắk: 100 dự án, tổng vốn: 47.567 tỷ đồng; Phú Yên: 101 dự án, tổng vốn 35.357 tỷ đồng); cấp giấy chứng nhận đầu tư, chủ trương đầu tư cho 16 dự án FDI với tổng vốn đăng ký khoảng 538,31 triệu USD (trong đó, Đắk Lắk: 15 dự án, tổng vốn: 535,6 triệu USD; Phú Yên: 01 dự án, tổng vốn 2,71 triệu USD).

Phát triển doanh nghiệp, HTX từng bước phục hồi sau đại dịch COVID-19 tiếp tục phát triển về số lượng và quy mô so với giai đoạn trước. Tổng số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới trong 5 năm khoảng 9.345 doanh nghiệp, tổng vốn đăng ký khoảng 130.974 tỷ đồng; nhiều doanh nghiệp đã chủ động đổi mới, nâng cao năng lực, tham gia tích cực vào việc giải quyết công ăn, việc làm, an sinh xã hội, góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương. Hoạt động kinh tế tập thể, HTX có những chuyển biến tích cực. Số HTX ứng dụng công nghệ cao, liên kết doanh nghiệp theo chuỗi giá trị ngày càng tăng. Trung bình hàng năm có khoảng 90 HTX thành lập mới. Khu vực doanh nghiệp nhà nước đã thực hiện sắp xếp, chuyển đổi sang mô hình công ty cổ phần, công ty TNHH MTV và giải thể hoạt

động bảo đảm theo kế hoạch tổng thể được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Năng lực hệ sinh thái khởi nghiệp được tăng cường, phong trào khởi nghiệp đổi mới sáng tạo từng bước phát triển rộng khắp; các hoạt động, sự kiện được tổ chức thiết thực, ý nghĩa, ngày càng đi vào chiều sâu.

Hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được tăng cường; giải ngân đạt kết quả khá. Công tác phân bổ và giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển được triển khai kịp thời, đảm bảo công khai và minh bạch, từng bước khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, phân tán, lãng phí; tập trung bố trí nguồn vốn để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án trọng điểm, có tính kết nối và lan tỏa vùng, bố trí vốn tập trung đẩy nhanh tiến độ hoàn thành, tạo động lực, thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội; nhiều công trình kết nối giao thông quan trọng giữa các huyện, thị xã, thành phố như các tuyến vành đai, đường liên huyện, cầu vượt, hạ tầng vùng núi, ven biển được triển khai, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội cho các vùng khó khăn, vùng kinh tế động lực. Công tác phân cấp, phân quyền trong đầu tư công được đẩy mạnh. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, đẩy mạnh công tác giải ngân vốn đầu tư công hàng năm được triển khai quyết liệt.

Công tác quy hoạch được triển khai tích cực, kịp thời theo đúng quy định. Đã khẩn trương tổ chức xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (tại Quyết định số 1746/QĐ-TTg và Quyết định số 1747/QĐ-TTg ngày 30/12/2023), Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh kịp thời, đúng quy định, tạo hành lang pháp lý quan trọng trong hoạch định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, kiến tạo không gian phát triển mới, khơi thông nguồn lực và khai thác hiệu quả hơn tiềm năng, thế mạnh, lợi thế so sánh khác biệt của địa phương. Các loại quy hoạch như: Quy hoạch sử dụng đất; Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tỉnh; Quy hoạch đô thị, các quy hoạch ngành nông nghiệp, công thương... được triển khai kịp thời, đáp ứng yêu cầu quản lý, làm căn cứ để quản lý các ngành, lĩnh vực, đóng góp vào phát triển ngành và phát triển kinh tế - xã hội. Việc điều chỉnh, tích hợp các quy hoạch ngành quốc gia vào quy hoạch tỉnh được thực hiện bài bản, phù hợp với các định hướng lớn như phát triển Khu kinh tế Nam Phú Yên, vùng động lực Buôn Ma Thuột - Ea Kar - Krông Pắc và các trục liên kết vùng Đông - Tây.

Các hoạt động đối ngoại được triển khai chủ động, tích cực; nhận thức của các cấp, ngành và Nhân dân về tầm quan trọng của công tác đối ngoại tiếp tục được nâng cao.

Mở rộng quan hệ hợp tác đầu tư với nhiều đối tác mới; duy trì và thúc đẩy quan hệ hợp tác với các đối tác cấp địa phương đã có các thỏa thuận ký kết với tỉnh. Triển khai các hoạt động và khánh thành các dự án xây dựng hỗ trợ nhân đạo của Chương trình Đối tác Thái Bình Dương năm 2022 và năm 2023. Hợp tác với các địa phương trong nước cũng được mở rộng, góp phần đẩy mạnh chuyển giao công nghệ, nghiên

cứu khoa học, trao đổi thông tin, giao lưu văn hóa, xúc tiến giao thương, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Các hoạt động ngoại giao kinh tế được tăng cường. Việc quản lý đoàn ra, đoàn vào được thực hiện chặt chẽ. Công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài (NGOs) tiếp tục đi vào nề nếp, tạo điều kiện cho các tổ chức thực hiện các dự án trên địa bàn.

Các hoạt động đối ngoại được triển khai đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm; có phối hợp nhịp nhàng giữa hoạt động đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại Nhân dân. Các hoạt động xây dựng quan hệ hữu nghị, làm sâu sắc hơn mối quan hệ truyền thống với các tỉnh, thành phố của các nước bạn như: Attapu, Champasak, Salavan, Sekong, Savannakhet (Lào), Monduliri (Campuchia), Chungcheongbuk (Hàn Quốc) được tăng cường. Công tác người Việt Nam ở nước ngoài được quan tâm; tổ chức nhiều hoạt động có ý nghĩa, tạo điều kiện thuận lợi để người Việt Nam ở nước ngoài hướng về xây dựng quê hương.

2. Lĩnh vực văn hóa - xã hội

Giáo dục đào tạo tiếp tục được đổi mới, nâng cao chất lượng hiệu quả đào tạo, giảng dạy. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học được đầu tư, bước đầu đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, đào tạo, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đến năm 2025 đạt khoảng 61%. Chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, chất lượng giáo dục toàn diện được nâng cao, nội dung, phương pháp đào tạo có nhiều đổi mới, đáp ứng yêu cầu về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo; giáo dục vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số được chăm lo, ưu tiên đầu tư. Hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; duy trì vững chắc, từng bước nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT tỉnh trung bình 2 tỉnh Đắk Lắk và Phú Yên giai đoạn 2020-2024: 97,46%; trong đó Đắk Lắk là 97,05%; Phú Yên là 97,88%. Giáo dục nhà trường kết hợp giáo dục gia đình và giáo dục xã hội được chú trọng. Phát động phong trào “Bình dân học vụ số”, các phong trào thi đua học tập, khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập được quan tâm thực hiện. Số lượng học sinh đạt giải thưởng quốc gia, khu vực tăng rõ rệt. Phát triển hệ thống các trường đại học, phân hiệu học viện, phân hiệu đại học quy mô lớn nhất trong vùng, đáp ứng nhu cầu đào tạo vùng Tây Nguyên và các nước Lào, Campuchia.

Khoa học và phát triển công nghệ tiếp tục có chuyển biến tích cực, chuyển đổi số được quan tâm đẩy mạnh. Cơ chế, chính sách về khoa học và công nghệ tiếp tục được hoàn thiện, cơ sở vật chất, trang thiết bị từng bước được quan tâm đầu tư. Thị trường khoa học và công nghệ dần hình thành và bước đầu đạt được một số kết quả nhất định. Hệ thống bảo hộ, thực thi quyền sở hữu trí tuệ ngày càng hoàn thiện; các hoạt động hỗ trợ xây dựng, bảo vệ thương hiệu và chỉ dẫn địa lý đối với các sản phẩm chủ lực của tỉnh được chú trọng. Đóng góp của khoa học và công nghệ vào sản xuất kinh doanh toàn tỉnh ngày càng tăng, năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP)

của Phú Yên đạt khoảng 43,14%. Chuyển đổi số, trọng tâm là xây dựng chính quyền số, thúc đẩy phát triển kinh tế số và xây dựng xã hội số được quan tâm đẩy mạnh. Hệ thống cơ sở dữ liệu, hạ tầng công nghệ thông tin được tập trung đầu tư. Phát triển kinh tế số đạt được nhiều kết quả tích cực, dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt ngày càng phát triển rộng khắp. Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh tỉnh Đắk Lắk (Đắk Lắk IOC) hoạt động hiệu quả với nhiều nền tảng ứng dụng thiết thực được triển khai như Đắk Lắk trực tuyến, Đắk Lắk G, dịch vụ Phản ánh hiện trường, Hệ thống Giám sát an toàn thông tin... Hạ tầng cáp quang đến trung tâm xã đạt 100%; hạ tầng thông tin di động, Internet không dây 3G, 4G phủ đến 100% khu dân cư; 100% xã có điểm phục vụ bưu chính.

Công tác giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, lịch sử được quan tâm, định hình trong từng bước phát triển. Phong trào văn hóa, văn nghệ phát triển sâu rộng; chất lượng thông tin báo chí ngày càng cao đáp ứng yêu cầu phục vụ nhiệm vụ chính trị và nhu cầu thông tin, giải trí của Nhân dân. Công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa ngày càng được chú trọng, trong đó, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch được tập trung đẩy mạnh. Tổ chức tốt nhiều lễ hội, sự kiện văn hóa, du lịch với quy mô lớn, tạo dấu ấn trong đời sống xã hội. Hệ thống thiết chế văn hóa được tăng cường đầu tư, nâng cao chất lượng; hoạt động sáng tạo văn học, nghệ thuật phát triển tích cực; đã phê duyệt công viên địa chất Phú Yên hướng đến danh hiệu Công viên địa chất toàn cầu UNESCO. Hệ thống cơ sở vật chất, công trình cho hoạt động thể dục thể thao được quan tâm đầu tư xây dựng. Phong trào thể dục thể thao ngày càng được Nhân dân hưởng ứng; thể thao thành tích cao có bước phát triển; đã đăng cai tổ chức thành công nhiều giải thể thao khu vực, toàn quốc, tạo điều kiện cho các vận động viên của tỉnh được thi đấu cọ sát và đạt thành tích cao tại các giải thi đấu quốc tế và khu vực.

Hệ thống các cơ quan báo chí hoạt động đúng với tôn chỉ, mục đích và quy định pháp luật; phản ánh đầy đủ và kịp thời các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa-xã hội, các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị của đất nước, địa phương. Kịp thời thông tin phản bác các luận điệu xuyên tạc chống phá Đảng, Nhà nước, xúc phạm danh dự, uy tín của cá nhân, tổ chức, cộng đồng.

Công tác giải quyết việc làm, thực hiện các chính sách xã hội được quan tâm thực hiện và đạt kết quả tốt, góp phần giải quyết việc làm và giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội. Công tác đào tạo nghề, dạy nghề cho lao động được quan tâm mở rộng về hình thức, quy mô và chất lượng đào tạo, gắn kết chặt chẽ với nhu cầu của thị trường. Công tác giải quyết việc làm được quan tâm thực hiện, đạt kết quả tốt. Chính sách an sinh xã hội, trợ giúp xã hội, giảm nghèo và các chính sách, giải pháp hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động và các đối tượng gặp khó khăn do

đại dịch Covid-19 được quan tâm triển khai đạt nhiều kết quả tích cực. Công tác xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình chính sách, người có công với cách mạng, nạn nhân chất độc da cam được quan tâm đẩy mạnh. Số nhà xây mới thuộc chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn 02 tỉnh Đắk Lắk và Phú Yên là 5.930 căn (Đắk Lắk: 4.513 căn, Phú Yên: 1.417 căn). Thực hiện kịp thời, đầy đủ công tác đền ơn đáp nghĩa, chăm sóc các đối tượng chính sách, người có công với cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội. Triển khai đồng bộ các chương trình, đề án về bảo vệ và chăm sóc trẻ em. Nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý nhà nước về công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ. Công tác phòng, chống tệ nạn xã hội được triển khai hiệu quả.

Công tác quản lý nhà nước về y tế tiếp tục được tăng cường, chất lượng chăm sóc sức khỏe, khám, chữa bệnh được nâng cao ở các tuyến. Tổ chức bộ máy, mạng lưới y tế từ tỉnh đến huyện, xã được kiện toàn theo hướng tinh gọn, hiệu quả; quyết liệt thực hiện cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập. Mạng lưới y tế cơ sở tiếp tục được đầu tư và củng cố, 79,86% xã đạt bộ tiêu chí chuẩn quốc gia về y tế giai đoạn đến 2030; phát huy tốt vai trò trong phòng, chống dịch bệnh; ứng dụng thành công các kỹ thuật mới, tiên tiến, điều trị có hiệu quả một số bệnh nặng, hiểm nghèo. Các giải pháp tăng tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế được đẩy mạnh, có chuyển biến tích cực, hình thành nhiều cơ sở y tế tư nhân với quy mô lớn và trang thiết bị hiện đại, góp phần giảm áp lực cho hệ thống y tế công lập. Đến cuối năm 2025, đạt 29,8 giường bệnh/1 vạn dân; 8,6 bác sỹ/1 vạn dân; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 95%. Các chính sách thu hút, đãi ngộ, tuyển dụng, hỗ trợ đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ y, bác sỹ được quan tâm triển khai. Công tác phòng chống dịch và công tác khám chữa bệnh trong mọi tình huống được đảm bảo. Hoạt động hành nghề y, được tư nhân được quản lý tốt hơn. Kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm được đẩy mạnh, góp phần hạn chế ngộ độc thực phẩm trên địa bàn.

Công tác dân tộc và các chính sách dân tộc được thực hiện đầy đủ, kịp thời, việc bảo tồn, giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào các dân tộc được chú trọng thực hiện; các chính sách, chương trình, đề án, trọng tâm là Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 được chú trọng thực hiện, đảm bảo trọng tâm, đúng đối tượng, qua đó góp phần cải thiện đời sống người dân, tỷ lệ hộ nghèo nói chung và tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm đáng kể qua từng năm. Đến cuối năm 2025, tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn tỉnh giảm còn khoảng 2,73%, tỷ lệ hộ nghèo trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số giảm còn khoảng 9,77%.

Công tác tôn giáo và chính sách tôn giáo được thực hiện theo đúng pháp luật, đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng của Nhân dân trên địa bàn. Giải quyết kịp thời các nguyện vọng, kiến nghị hợp pháp, nhu cầu chính đáng của các tôn giáo. Chú trọng thực hiện tốt các chế độ, chính sách, các chương trình phát triển kinh tế - xã

hội, từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân vùng đồng bào có đạo. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động các chức sắc, tín đồ thực hiện phương châm sống “*tốt đời, đẹp đạo*”, tích cực hưởng ứng tham gia các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội; tích cực sản xuất, phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo tại địa phương. Thường xuyên tuyên truyền để đồng bào hiểu rõ chủ trương, chính sách, sự quan tâm của Đảng, Nhà nước đối với đồng bào các tôn giáo; đồng thời, đề cao cảnh giác trước âm mưu “*diễn biến hòa bình*” của các thế lực thù địch nhằm phá hoại, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

3. Lĩnh vực quốc phòng an ninh và nội chính tư pháp được tăng cường

Triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các chiến lược, đề án, kế hoạch bảo đảm quốc phòng, an ninh trong tình hình mới. Nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân và nền biên phòng toàn dân tiếp tục được củng cố vững chắc, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Công tác diễn tập khu vực phòng thủ cấp tỉnh, cấp huyện và diễn tập chiến đấu phòng thủ cấp xã vận hành cơ chế theo Nghị quyết số 28-NQ/TW, ngày 22/9/2008 của Bộ Chính trị về “*Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành khu vực phòng thủ vững chắc trong tình hình mới*” đạt kết quả tốt, hoàn thành 100% chỉ tiêu diễn tập, được Ban Chỉ đạo diễn tập Quân khu đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ. Công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ hằng năm đạt 100% chỉ tiêu.

Tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội cơ bản được giữ vững, góp phần ổn định chính trị, tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội; triển khai đồng bộ, quyết liệt các biện pháp đấu tranh với các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, với tinh thần “*Tích cực, khắt khe, hiệu quả*”. Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh, trật tự được nâng lên, đi đầu chuyển trạng thái từ truyền thống sang hiện đại, đặc biệt là tập trung triển khai Đề án số 06 của Chính phủ về phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia, giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030, cơ bản hoàn thành nhiệm vụ theo lộ trình Chính phủ đề ra.

Hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án được phối hợp chặt chẽ, hạn chế oan sai, bỏ lọt tội phạm; công tác thanh tra được các cơ quan, đơn vị, địa phương quan tâm thực hiện; tập trung cụ thể hóa và đẩy mạnh thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp phù hợp thực tiễn địa phương; Ban Chỉ đạo Cải cách tư pháp tỉnh và các cơ quan nội chính triển khai nhiều giải pháp để nâng cao chất lượng hoạt động. Tổ chức bộ máy các cơ quan tư pháp và tổ chức hỗ trợ tư pháp được củng cố, kiện toàn; công tác giám định tư pháp, trọng tài thương mại, hòa giải thương mại ngày càng được quan tâm.

Công tác phổ biến, quán triệt, triển khai, tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ

thị, kế hoạch của Trung ương về lĩnh vực Nội chính Đảng được chỉ đạo thực hiện nghiêm túc đến các cấp ủy, cơ quan, đơn vị trên toàn tỉnh bằng nhiều hình thức phong phú. Các cấp ủy, tổ chức đảng tích cực, chủ động tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy nghiên cứu, xây dựng chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quyết định, quy định, quy chế, kết luận về công tác nội chính, phòng chống tham nhũng, tiêu cực và cải cách tư pháp; định hướng hoạt động của các cơ quan nội chính, hội luật gia, đoàn luật sư ở địa phương.

Kịp thời cho chủ trương, định hướng xử lý đối với các vụ việc, vụ án nghiêm trọng, phức tạp, dư luận xã hội quan tâm. Tăng cường công tác phát hiện, xử lý các vụ việc, vụ án kinh tế, tham nhũng, tiêu cực đảm bảo nghiêm minh, đúng quy định của pháp luật. Công tác kiểm tra, giám sát các cấp ủy, tổ chức đảng về việc triển khai, tổ chức thực hiện các chủ trương của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước đối với công tác nội chính, phòng chống tham nhũng, tiêu cực và cải cách tư pháp được chú trọng; kiên quyết xử lý những tổ chức, cá nhân tham nhũng, tiêu cực, đã xử lý được nhiều vụ việc, vụ án tham nhũng kinh tế nghiêm trọng, phức tạp, dư luận xã hội quan tâm có tác dụng cảnh tỉnh, răn đe và được quần chúng Nhân dân đồng tình, ủng hộ.

Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tỉnh chủ động triển khai thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn, đạt nhiều kết quả tích cực; lãnh đạo, chỉ đạo xử lý nhiều vụ việc nổi cộm, phức tạp, dư luận quan tâm, nhiều vụ án, vụ việc đã được phục hồi điều tra sau thời gian dài tạm đình chỉ; một số vụ án lớn đã đưa ra xét xử nghiêm minh, đáp ứng yêu cầu chính trị địa phương.

Việc giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, tiếp công dân, hoạt động đối thoại trực tiếp để giải quyết các vấn đề vướng mắc trong Nhân dân được chú trọng thực hiện; quán triệt và thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị về *“Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo”*; Quy định số 11-QĐ/TW, ngày 18/02/2019 của Bộ Chính trị về *“Trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của dân”*.

4. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị

Công tác xây dựng Đảng

Xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ được tăng cường, triển khai chặt chẽ, đồng bộ và hiệu quả hơn, tạo nền tảng vững chắc trong xây dựng Đảng. Công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; đấu tranh phản bác những quan điểm sai trái, thù địch, định hướng công tác dư luận xã hội trước các sự kiện chính trị trọng đại, những vấn đề nóng, nhạy cảm được triển khai kịp thời, tạo được sự đồng thuận, ủng hộ của cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Có nhiều đổi mới trong công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận; hầu hết các chủ trương của

Đảng trước khi sơ, tổng kết đều được kiểm tra, giám sát, khảo sát, đánh giá một cách toàn diện. Công tác tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh được cấp ủy, chính quyền các cấp thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo; gắn tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng với truyền thống cách mạng của quê hương, đất nước. Công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị được đổi mới cả về nội dung và phương pháp. Đội ngũ báo cáo viên, giảng viên, giảng viên kiêm chức thường xuyên được củng cố, kiện toàn theo hướng tinh gọn, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kinh nghiệm thực tiễn, tinh thần trách nhiệm. Xây dựng Đảng về đạo đức được coi trọng. Việc học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh được triển khai sâu rộng, hiệu quả. Các cấp ủy, tổ chức đảng nghiêm túc chỉ đạo, thực hiện tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII), Kết luận số 21-KL/TW (khóa XIII) về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; gương mẫu, nghiêm túc thực hiện kiểm điểm tự phê bình và phê bình; lãnh đạo, chỉ đạo, tăng cường kiểm tra, chú trọng gợi ý kiểm điểm đối với những tập thể, cá nhân có biểu hiện vi phạm. Các mô hình học tập và làm theo được duy trì và phát huy, nhất là mô hình cơ quan, đơn vị giúp đỡ các xã, thôn, buôn, khu phố theo Kế hoạch số 68-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện các mặt công tác tổ chức xây dựng đảng; xây dựng các chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện đồng bộ, đảm bảo tiến độ, bám sát chủ trương, định hướng của Trung ương và Tỉnh ủy. Các cấp ủy, tổ chức đảng thực hiện tốt việc cải tiến phương pháp, lề lối làm việc, đổi mới phương thức lãnh đạo theo hướng phát huy dân chủ, bảo đảm khoa học, chủ động, quyết liệt, không có sự tùy tiện, bao biện, làm thay hoặc buông lỏng vai trò lãnh đạo của Đảng. Ban Thường vụ Tỉnh ủy luôn chú trọng lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện có hiệu quả công tác cán bộ từ khâu quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, tuyển chọn, bố trí, phân cấp quản lý, giới thiệu ứng cử, điều động, bổ nhiệm cán bộ; việc thực hiện quy định về thi tuyển, tiếp nhận công chức, viên chức được thực hiện công khai, minh bạch, đúng quy trình, thủ tục và thẩm quyền. Công tác tạo nguồn, phát triển đảng viên được quan tâm thực hiện, chú trọng phát triển kết nạp đảng viên mới gắn với rà soát, sàng lọc, đưa đảng viên không đủ tư cách ra khỏi Đảng. Công tác tiền lương và chính sách cán bộ, công tác bảo vệ chính trị nội bộ được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ, kịp thời đúng quy định. Một số giải pháp mới được triển khai và phát huy hiệu quả tích cực, như: phân công Tỉnh ủy viên phụ trách xã miền núi đặc biệt khó khăn, xã còn khó khăn; phân công Tỉnh ủy viên và cán bộ lãnh đạo các sở, ban, ngành dự sinh hoạt chi bộ thôn, buôn, khu phố...

Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng được triển khai chủ động, kịp thời, nghiêm túc, chặt chẽ và toàn diện, chất lượng, hiệu quả được nâng lên. Công tác kiểm tra, giám sát được đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả, đúng đối tượng, có trọng tâm, trọng điểm, chủ động kiểm tra, đi trước làm rõ nhiều vụ việc,

đồng thời, tổ chức triển khai thực hiện quyết liệt không có vùng cấm trong xem xét, xử lý cán bộ, đảng viên vi phạm. Các quy định về kiểm tra, giám sát được cụ thể hóa đầy đủ, phù hợp. Công tác phối hợp thực hiện theo Quy chế phối hợp giữa UBKT Tỉnh ủy với các tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị và đạt được những kết quả tích cực. Công tác giải quyết tố cáo đảng viên được thực hiện đúng quy định của Đảng.

Công tác dân vận có nhiều đổi mới, chất lượng hoạt động nâng cao, góp phần tăng cường quan hệ mật thiết giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân. Tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện các văn bản của Trung ương về công tác dân vận; chỉ đạo tăng cường vận động quần chúng, tập hợp các tầng lớp nhân dân, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc... Công tác dân vận có nhiều chuyển biến tích cực, cải cách hành chính, chuyển đổi số được quan tâm triển khai; công tác đào tạo bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác dân vận luôn được tỉnh quan tâm thực hiện. Công tác tiếp dân, đối thoại với dân ngày càng thực hiện nền nếp, thường xuyên, kịp thời giải quyết những bức xúc, kiến nghị chính đáng của Nhân dân. Việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở gắn với phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” được triển khai thực hiện hiệu quả.

Công tác xây dựng chính quyền. Hiệu lực, hiệu quả của bộ máy và hoạt động của HĐND, UBND các cấp trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ được nâng lên. Đã tập trung chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tiếp tục rà soát chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan hành chính nhà nước các cấp, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, tổ chức, khắc phục được tình trạng chồng chéo, trùng lặp hoặc bỏ sót chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, tổ chức trong hệ thống hành chính nhà nước; tăng cường đổi mới, cải tiến phương thức làm việc nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước.

Chất lượng ban hành nghị quyết và hoạt động giám sát, khảo sát ngày càng nâng cao có nhiều chuyển biến, cải tiến cả về nội dung và hình thức; tập trung vào những vấn đề nổi cộm, bức xúc, được cử tri và dư luận xã hội quan tâm; chất lượng đại biểu Hội đồng nhân dân được bảo đảm; quy trình xem xét, ban hành nghị quyết đảm bảo chất lượng, đúng quy định, tính khả thi cao; công tác xây dựng chính quyền đạt được nhiều kết quả quan trọng, bộ máy chính quyền địa phương củng cố, kiện toàn theo đúng quy định; đơn vị hành chính cấp xã được sắp xếp, tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước ở địa phương; chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có nhiều chuyển biến tích cực. Hoạt động chất vấn và thảo luận tại kỳ họp được quan tâm hơn. Các nghị quyết được ban hành đúng pháp luật, phù hợp với tình hình thực tế. Chất lượng tiếp xúc cử tri trước và sau các kỳ họp được nâng cao, phát huy tốt vai trò, trách nhiệm đại biểu HĐND các cấp; hình thức tổ chức có nhiều điểm mới, như việc tổ chức cho đại biểu HĐND cấp tỉnh, huyện cùng tham gia và tiếp xúc ngoài giờ hành chính (*buổi tối, thứ bảy, chủ nhật*) tại một số điểm,

tạo điều kiện để cử tri tham dự đông đủ nhất.

Tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 đảm bảo đúng quy định, tiến độ và đạt kết quả cao; sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025 theo quy định; chuyển đổi số đạt được kết quả bước đầu ở một số lĩnh vực, đặc biệt trong cải cách thủ tục hành chính, dữ liệu dân cư và đảm bảo an toàn thông tin.

Công tác triển khai sắp xếp đơn vị hành chính, các cơ quan, đơn vị được tập trung triển khai quyết liệt; chỉ đạo xây dựng Đề án thành lập Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk (mới) Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Đắk Lắk (mới) năm 2025. Đề án đã được lấy ý kiến Nhân dân và ý kiến của HĐND ở các đơn vị hành chính chịu ảnh hưởng trực tiếp với tỷ lệ tán thành cao (*tỷ lệ cử tri đại diện hộ gia đình của tỉnh Đắk Lắk tán thành đạt trung bình 97,57%, của tỉnh Phú Yên tán thành đạt trung bình 98,97%; 100% HĐND các cấp của tỉnh Đắk Lắk và tỉnh Phú Yên tán thành chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn*); thành lập Ban Chỉ đạo, Tổ giúp việc triển khai các nhiệm vụ đảm bảo tiến độ, yêu cầu kế hoạch đề ra; tổ chức rà soát tổng thể các đơn vị hành chính về quy mô dân số, diện tích, quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch của tỉnh Đắk Lắk và tỉnh Phú Yên, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, phát triển ngành, mở rộng không gian phát triển, phát huy lợi thế so sánh, đáp ứng yêu cầu phát triển đối với từng địa phương và yêu cầu, định hướng phát triển của giai đoạn mới... làm cơ sở, căn cứ khoa học trong sắp xếp tỉnh Đắk Lắk và tỉnh Phú Yên. Trong đó, xác định rõ khu vực đô thị, nông thôn, miền núi, vùng cao, quy mô dân số, diện tích, lịch sử, văn hoá, các vấn đề về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, dân tộc, tôn giáo... để thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính của 02 tỉnh bảo đảm các điều kiện hoạt động thuận lợi, đồng bộ, liên thông, hiệu lực, hiệu quả trước, trong và sau khi sắp xếp.

Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ có nhiều đổi mới nội dung, phương thức hoạt động. Vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục được khẳng định, nâng cao. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp đã phối hợp với các tổ chức thành viên thực hiện tốt tuyên truyền, vận động Nhân dân các dân tộc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước, quy định của địa phương. Thực hiện có hiệu quả Quy chế dân chủ ở cơ sở với phương châm “*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*”. Tổ chức thành công Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp trong nhiệm kỳ 2024 - 2029. Các phong trào thi đua yêu nước, cuộc vận động được hưởng ứng tích cực. Công tác giám sát, phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng Đảng, chính quyền được Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội triển khai ngày càng hiệu quả rõ rệt hơn.

Công đoàn: Công tác tuyên truyền giáo dục công nhân viên chức lao động, hoạt

động truyền thông có nhiều đổi mới; tổ chức học tập, quán triệt, triển khai sâu rộng nghị quyết đại hội công đoàn các cấp nhiệm kỳ 2023-2028. Công tác chăm lo đời sống, đại diện bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng cho người lao động, đoàn viên được triển khai thường xuyên.

Hội Nông dân: Tiếp tục được củng cố và phát triển; nội dung, phương thức hoạt động từng bước được đổi mới; đội ngũ cán bộ Hội các cấp từng bước được trẻ hóa, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Vai trò đại diện của Hội trong chăm lo cải thiện đời sống vật chất, tinh thần, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của hội viên được phát huy. Phong trào nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết, giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững được các cấp Hội triển khai sâu rộng; hỗ trợ, hướng dẫn hội viên, nông dân tham gia phát triển các mô hình sản xuất nông nghiệp mới, liên kết, hợp tác theo chuỗi giá trị; tham gia các hình thức kinh tế tập thể.

Hội Liên hiệp Phụ nữ: Triển khai các chương trình, đề án, dự án hỗ trợ phụ nữ và thực hiện bình đẳng giới đạt kết quả tích cực, góp phần nâng cao vai trò, vị thế của phụ nữ. Chủ động, tích cực, phối hợp với các ngành chức năng triển khai các phong trào, phát huy tính sáng tạo, tự chủ của phụ nữ. Các vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ, trẻ em phát triển toàn diện được quan tâm giải quyết; thực hiện tốt chức năng đại diện thông qua hoạt động giám sát, phản biện xã hội, tham mưu, đề xuất với cấp ủy, chính quyền cùng cấp chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ, trẻ em, bình đẳng giới.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh: Không ngừng đổi mới nội dung, phương thức hoạt động; nâng cao hiệu quả tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng; thực hiện tốt giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống; tích cực tham gia xây dựng Đảng, chính quyền; thực hiện nhiều phong trào, chương trình hành động cách mạng thiết thực; vận động, tổ chức thanh niên tham gia tích cực và hiệu quả các chương trình phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Hội Cựu chiến binh: Thường xuyên phối hợp với các ngành chức năng tăng cường tuyên truyền, vận động, tổ chức các phong trào thi đua, chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Bản chất, truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ” được phát huy. Phong trào thi đua “*Cựu chiến binh gương mẫu*”, “*Cựu chiến binh giúp nhau giảm nghèo, làm kinh tế giỏi*” triển khai hiệu quả, nhiều tấm gương Cựu chiến binh làm kinh tế giỏi, gương mẫu chấp hành đường lối, chính sách, pháp luật, trở thành tấm gương tốt cho thế hệ trẻ học tập, noi theo.

Đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ, báo giới: Có mặt ở tất cả các lĩnh vực..., là lực lượng đi đầu trong sáng tạo khoa học, có vai trò quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, có những đóng góp to lớn vào công cuộc đổi mới, ngày càng gắn bó mật thiết với công nhân, nông dân, đưa khoa học công nghệ phục vụ sản xuất, đời sống và quốc phòng, an ninh, đối ngoại của tỉnh.

Đội ngũ Doanh nhân: Là lực lượng năng động trong phát triển kinh tế, xã hội; đã chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, luôn tin tưởng vào đường lối đổi mới của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; đầu tư phát triển nhanh về số lượng lẫn quy mô sản xuất, kinh doanh, đóng góp tích cực vào các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

Người cao tuổi: Với tinh thần “*Tuổi cao gương sáng*” có đóng góp quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; tham gia tổ chức và triển khai các phong trào thi đua yêu nước gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, xây dựng và nâng cao đời sống văn hoá ở mỗi gia đình và cộng đồng.

Kiều bào tỉnh ở nước ngoài: Hơn 21.000 kiều bào ta đang định cư, học tập, công tác và làm ăn sinh sống ở tại gần 30 vùng, lãnh thổ, quốc gia trên toàn thế giới, luôn nêu cao tinh thần tự trọng, tự hào dân tộc, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau, xây dựng cuộc sống, giữ mối quan hệ gắn bó với gia đình, người thân, góp phần thiết thực và hướng về xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp.

5. Về phương thức lãnh đạo của Đảng

Công tác xây dựng, ban hành văn bản của Tỉnh ủy đảm bảo nguyên tắc theo quy định; các nội dung lãnh đạo đều được cụ thể hóa bằng văn bản đúng thể loại, thẩm quyền, thể thức theo quy định. Nguyên tắc hoạt động và mối quan hệ công tác của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy đối với HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, đã được cụ thể hóa trong Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo đổi mới phong cách, lề lối làm việc gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị, giải quyết hiệu quả các vấn đề bức xúc ở địa phương, cơ quan, đơn vị. Đổi mới việc xây dựng và tổ chức thực hiện nghị quyết theo hướng rõ chủ trương, quan điểm chỉ đạo, mục đích, yêu cầu cụ thể, phân công, làm rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân, thời gian hoàn thành. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thực hiện nghiêm chế độ thông tin, báo cáo. Quan tâm, đẩy mạnh công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, từ đó bổ sung, hoàn thiện các chủ trương, chính sách phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương.

6- Nguyên nhân ưu điểm

6.1. Về khách quan

Đảng bộ tỉnh luôn nhận được sự quan tâm, hỗ trợ của Trung ương Đảng, Chính phủ, các ban, bộ, ngành Trung ương; sự phối hợp, tạo điều kiện giúp đỡ cùng phát triển của các tỉnh, thành phố trong cả nước. Những định hướng, giải pháp lớn được nêu trong Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng và các chủ trương của Trung ương Đảng; Quốc hội, Chính phủ; ... là cơ sở, định hướng quan trọng tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu, mục tiêu nhiệm vụ mà Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2020-2025 đã đề ra.

6.2. Về chủ quan

Đảng bộ, chính quyền, quân và dân các dân tộc trong tỉnh nỗ lực, chủ động, sáng tạo triển khai Nghị quyết phù hợp với thực tiễn địa phương. Phương thức lãnh đạo, chỉ đạo từng bước được nâng cao, đổi mới. Đã tập trung chỉ đạo, xây dựng, nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ, năng lực đội ngũ cán bộ, công chức. Đảng bộ xác định đúng, rõ định hướng phát triển, có trọng tâm, trọng điểm. Phát huy cao độ nguyên tắc tập trung dân chủ, sức mạnh tổng hợp, truyền thống anh hùng, đoàn kết, khắc phục khó khăn hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo, xây dựng, nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ, năng lực đội ngũ cán bộ, công chức. Công tác giữ gìn, phát huy truyền thống đoàn kết trong nội bộ Đảng, hệ thống chính trị và toàn xã hội được quan tâm, chú trọng. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu các địa phương, đơn vị đã nêu cao tinh thần trách nhiệm, đổi mới tư duy, lề lối làm việc, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm... trong thực thi nhiệm vụ.

Tinh thần đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động trong toàn Đảng bộ có ý nghĩa quyết định thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị. Đồng thời đã huy động được nhiều nguồn lực xã hội và sức mạnh tổng hợp của Nhân dân tham gia thực hiện nhiệm vụ chính trị địa phương. Công tác quy hoạch được quan tâm và triển khai; đã hoàn thành nhiều quy hoạch lớn, quan trọng.

II- HẠN CHẾ, KHUYẾT ĐIỂM VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Về lĩnh vực kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế chưa tương xứng với tiềm năng phát triển; tái cơ cấu kinh tế chưa đạt hiệu quả theo mục tiêu, định hướng. Thu ngân sách Nhà nước chưa đạt mục tiêu đề ra, cơ cấu nguồn thu thiếu ổn định và chưa thực sự vững chắc, chưa tạo ra các nguồn thu mới có tính ổn định bền vững từ các hoạt động sản xuất kinh doanh, nguồn thu tiền sử dụng đất chiếm tỷ trọng khá cao trong tổng thu ngân sách nhưng kết quả thực hiện không đạt, ảnh hưởng lớn đến việc triển khai kế hoạch đầu tư công.

Quy mô sản xuất nông nghiệp còn nhỏ; cơ cấu lại nông nghiệp chưa đạt mục tiêu, yêu cầu. Quản lý, bảo vệ rừng có mặt chưa tốt, vi phạm pháp luật về bảo vệ rừng còn xảy ra. Tăng trưởng khu vực công nghiệp - xây dựng chưa đạt kỳ vọng và còn thiếu tính ổn định. Hạ tầng khu, cụm công nghiệp chưa đồng bộ. Hạ tầng kỹ thuật khung trong Khu kinh tế Nam Phú Yên được quan tâm đầu tư, nhưng chưa thu hút nhiều nhà đầu tư. Hạ tầng giao thông còn nhiều hạn chế, mạng lưới giao thông kết nối chưa đáp ứng nhu cầu. Phát triển đô thị còn nhiều bất cập, việc xây dựng và phát triển một số đô thị trung tâm chưa đạt mục tiêu đề ra, một số tiêu chí khó thực hiện đảm bảo quy định.

Thương mại - dịch vụ phát triển và có mức tăng trưởng khá, nhưng đóng góp

vào cơ cấu kinh tế còn thiếu ổn định. Chất lượng dịch vụ chưa theo kịp nhu cầu của nền kinh tế, khả năng cạnh tranh trên thị trường chưa cao; các doanh nghiệp dịch vụ có quy mô nhỏ, ứng dụng khoa học và công nghệ còn hạn chế. Quản lý nhà nước về du lịch chưa theo kịp nhu cầu phát triển; hoạt động du lịch chưa tương xứng với tiềm năng hiện có; sản phẩm du lịch chưa phong phú, thiếu tính đặc trưng; thiếu các dịch vụ du lịch để giữ chân du khách lưu lại dài ngày.

Công tác xúc tiến, thu hút đầu tư chưa thực sự hiệu quả; tiến độ triển khai các dự án ngoài ngân sách còn khá chậm. Số doanh nghiệp còn đang hoạt động đến cuối kỳ không đạt mục tiêu đề ra.

Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng còn chậm, ảnh hưởng đến tiến độ một số dự án quan trọng và tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch chuyên ngành khác còn chồng chéo, thiếu đồng bộ. Tình trạng vi phạm pháp luật về đất đai, khoáng sản còn diễn ra, một số trường hợp chưa được phát hiện xử lý kịp thời, dứt điểm. Ý thức bảo vệ môi trường của một số doanh nghiệp, cá nhân chưa cao. Đối với tỉnh Đắk Lắk (trước sắp xếp), tỷ lệ che phủ rừng chưa đạt mục tiêu đề ra; diện tích rừng tự nhiên tiếp tục bị thu hẹp.

1.2. Về phát triển văn hóa - xã hội

Cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học chưa theo kịp yêu cầu, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, điều kiện kinh tế khó khăn. Chuyển dịch cơ cấu lao động còn chậm; Chất lượng nguồn nhân lực, nhất là trong vùng đồng bào các dân tộc thiểu số chưa đáp ứng được yêu cầu, đặc biệt là nhân lực các ngành khoa học kỹ thuật, giáo dục và y tế. Công tác đào tạo chưa gắn kết chặt chẽ, thường xuyên với yêu cầu sử dụng lao động và nhu cầu xã hội.

Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị y tế còn thiếu, chưa đáp ứng tốt nhu cầu khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe; tình trạng quá tải bệnh viện chưa được giải quyết triệt để; tình trạng thiếu thuốc, vật tư, thiết bị y tế còn xảy ra tại các cơ sở khám chữa bệnh. Kết quả đầu tư xã hội hóa giáo dục, y tế có nơi còn hạn chế.

Khoa học và công nghệ phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, chưa đáp ứng yêu cầu phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chưa trở thành động lực quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Kinh phí đầu tư cho khoa học và công nghệ còn hạn chế. Chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số mới đạt được kết quả bước đầu, vẫn còn khoảng cách xa so với mục tiêu đề ra. Hạ tầng số, các nền tảng số chưa hoàn thiện, chưa đáp ứng nhu cầu đặt ra; các nền tảng số phục vụ giáo dục, đào tạo, chăm sóc sức khỏe và an sinh xã hội còn thiếu. Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo dần hình thành và từng bước phát triển, tuy nhiên, số lượng và chất lượng còn khiêm tốn, hàm lượng khoa học công nghệ còn ít.

Chưa có nhiều cơ chế, chính sách hiệu quả nhằm khai thác, phát huy các giá trị văn hóa. Công tác bảo tồn phát huy giá trị di sản văn hóa còn có mặt hạn chế, một

số di tích xuống cấp chưa được trùng tu, sửa chữa kịp thời. Công tác đào tạo, bồi dưỡng vận động viên chưa đạt hiệu quả cao. Các thiết chế văn hóa, thể thao từ tỉnh đến huyện còn nhiều hạn chế, chưa được đầu tư đồng bộ.

Tỷ lệ hộ nghèo, đặc biệt là tỷ lệ hộ nghèo trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn cao; mức độ thiếu hụt tiếp cận một số dịch vụ xã hội cơ bản như nhà ở, nước sạch và vệ sinh còn cao. Tình trạng đồng bào trong tình di cư nội vùng, đồng bào dân tộc thiểu số di cư ngoài kế hoạch đến địa bàn tỉnh chưa được kiểm soát chặt chẽ đã tạo ra áp lực, khó khăn rất lớn cho việc quản lý, bảo vệ rừng, đất đai.

1.3. Về đảm bảo quốc phòng, an ninh, nội chính, tư pháp

Tình hình an ninh, trật tự có thời điểm còn phức tạp, bị động. Hiệu quả phòng ngừa xã hội đối với tội phạm trộm cắp, cố ý gây thương tích, lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên không gian mạng còn thấp. Nguồn lực đầu tư xây dựng tiềm lực về quốc phòng, an ninh còn hạn chế, có mặt chưa đáp ứng kịp thời yêu cầu công tác, chiến đấu và xu thế phát triển; việc quản lý, khai thác, sử dụng các tiềm lực trong khu vực phòng thủ có mặt hiệu quả chưa cao.

Tình hình tranh chấp đất đai, khiếu kiện ở một số địa bàn vẫn còn diễn biến phức tạp, nhất là các vụ việc liên quan đến các dự án, các vụ lấn chiếm đất đai, tranh chấp quyền lợi giữa người dân với một số công ty nông, lâm nghiệp. Công tác nắm tình hình địa bàn, quản lý đối tượng từ cơ sở còn bộc lộ yếu kém; công tác trao đổi thông tin, phối hợp giữa các đơn vị chưa chặt chẽ; công tác quản lý vũ khí, vật liệu nổ, phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ có lúc chưa phát huy hiệu quả.

Công tác cải cách tư pháp có mặt còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm; trình độ nghiệp vụ và bản lĩnh chính trị của một số cán bộ làm công tác tư pháp còn hạn chế. Tiến độ giải quyết một số vụ án dân sự, hành chính còn chậm. Tình hình khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân có thời điểm tăng cao; một số vụ việc chưa được các địa phương, cơ quan chức năng giải quyết triệt để. Chất lượng, hiệu quả một số hoạt động đối ngoại chưa cao; chưa có nhiều dự án, nội dung hợp tác với các đối tác nước ngoài mang lại hiệu quả. Thu hút viện trợ nước ngoài còn thấp.

1.4. Về xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị

Về xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị: Việc vận dụng và cụ thể hóa một số chủ trương, nghị quyết của Trung ương, của tỉnh vào lĩnh vực xây dựng đảng của một số ít cấp ủy, tổ chức đảng có hạn chế, bị động, lúng túng; vẫn có một số ít cấp ủy, tổ chức đảng, thậm chí đảng bộ trực thuộc tỉnh chưa thật sự được chú trọng công tác sơ kết, tổng kết các chủ trương, chính sách, nghị quyết của cấp ủy cấp trên nên chất lượng sơ kết, tổng kết chưa cao, chưa phát hiện và đề xuất biện pháp giải quyết kịp thời những vấn đề nảy sinh trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo ở cơ sở.

Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của một số tổ chức đảng, đảng viên chưa theo

kip với tình hình, nhất là ở thôn, buôn, tổ dân phố; công tác tạo nguồn còn nhiều khó khăn, tỷ lệ phát triển đảng viên ở một số chi bộ thôn, buôn, tổ dân phố còn thấp, một số chi bộ nhiều năm không phát triển được đảng viên mới. Việc thành lập mới, củng cố tổ chức đảng, đoàn thể nhân dân trong các doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước còn nhiều khó khăn, kết quả chưa cao.

Một bộ phận cán bộ, đảng viên thiếu tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức, thiếu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ; chất lượng sinh hoạt chi bộ một số nơi chưa cao. Việc thực hiện nguyên tắc tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt chi bộ chưa thành nề nếp, thường xuyên; một bộ phận đảng viên còn nể nang, chưa mạnh dạn góp ý xây dựng chi bộ.

Công tác vận động, tuyên truyền, giáo dục đoàn viên, hội viên và Nhân dân gương mẫu, thực hiện các chính sách và pháp luật của Nhà nước chưa hiệu quả. Nắm bắt tình hình, tâm tư nguyện vọng của Nhân dân ở một số địa phương có lúc chưa kịp thời, sâu sát. Hoạt động giám sát, phản biện xã hội còn hạn chế, chưa phát huy đầy đủ vai trò, vị thế của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Các phong trào thi đua, các cuộc vận động có lúc, có nơi còn mang tính hình thức; nhận thức của một bộ phận đoàn viên, người lao động về giai cấp công nhân, về vai trò, chức năng, nhiệm vụ của công đoàn, về nhiệm vụ chính trị chưa toàn diện.

Về phương thức lãnh đạo của Đảng: Việc triển khai một số nghị quyết của Đảng, chủ trương, chính sách của Nhà nước còn chậm; biện pháp, giải pháp chưa thật đồng bộ, chậm rà soát, đánh giá bổ sung các biện pháp, giải pháp kịp thời. Việc chỉ đạo, kiểm tra cấp ủy cấp dưới triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị có lúc chưa triệt để.

Công tác chỉ đạo, điều hành của bộ máy chính quyền các cấp và các ngành chức năng chưa đáp ứng yêu cầu trong quá trình đổi mới. Cải cách thủ tục hành chính, củng cố và sắp xếp tổ chức chưa tạo được sự chuyển biến sâu rộng, chậm được đổi mới. Hiện tượng quan liêu, sách nhiễu, gây phiền hà trong bộ máy chính quyền các cấp còn diễn ra, nhất là trên các lĩnh vực giải quyết các thủ tục đất đai, đầu tư xây dựng cơ bản...

Một số cấp ủy Đảng chưa thường xuyên quan tâm lãnh đạo việc đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; sự phối hợp giữa Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể với chính quyền, các ngành chức năng có lúc, có nơi chưa chặt chẽ, đồng bộ, còn hình thức, hiệu quả chưa cao.

2. Nguyên nhân hạn chế, khuyết điểm

2.1. Nguyên nhân khách quan

Tình hình kinh tế - chính trị thế giới biến động rất nhanh, mạnh, phức tạp, chưa có tiền lệ, vượt quá khả năng dự báo, nhất là ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, thiên tai, bão lũ, cuộc xung đột Nga-Ucraina kéo dài, kinh tế toàn cầu tăng trưởng thấp,

làm phát tăng cao, thương mại và đầu tư toàn cầu suy giảm, sự thay đổi chính sách của các quốc gia... Các nguồn lực đầu tư cho phát triển còn hạn hẹp; hạ tầng kinh tế - xã hội còn nhiều bất cập, thiếu đồng bộ.

Các thế lực thù địch, phản động, FULRO thường xuyên chỉ đạo hoạt động chống phá quyết liệt; đồng thời, một số vấn đề nổi cộm, phức tạp như: Dân tộc, tôn giáo, đất đai, an sinh xã hội... đặc biệt là tranh chấp, khiếu kiện liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số tiềm ẩn nguy cơ và bị các đối tượng phản động lợi dụng, xuyên tạc, kích động, chống phá. Trình độ, nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của một bộ phận người dân còn thấp nên dễ dẫn đến thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật. Âm mưu, phương thức, thủ đoạn hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động ngày càng tinh vi, nguy hiểm, nhất là tội phạm sử dụng công nghệ cao làm cho tình hình an ninh chính trị vẫn còn tiềm ẩn yếu tố gây mất ổn định. Mặt trái cơ chế thị trường tác động không nhỏ đến việc bảo đảm an ninh trật tự, phòng, chống tham nhũng và kiểm soát tội phạm.

Chính sách, pháp luật trong một số lĩnh vực còn chồng chéo, vướng mắc, thiếu ổn định; một số văn bản quy phạm pháp luật chậm thay thế, sửa đổi nên chưa theo kịp một số vấn đề thực tiễn phát sinh, ảnh hưởng trực tiếp đến việc giải quyết thủ tục hành chính và triển khai thực hiện nhiệm vụ. Cơ chế bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung chưa rõ ràng.

2.2. Nguyên nhân chủ quan

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành ở một số cấp, ngành, địa phương còn thiếu tính chủ động, quyết liệt; chưa tập trung mạnh mẽ vào những việc, những khâu quan trọng có tính quyết định. Một bộ phận cán bộ thực thi còn chưa quyết liệt, kịp thời, còn có tâm lý né tránh, sợ trách nhiệm trong thực thi công vụ. Trách nhiệm của người đứng đầu trong một số trường hợp chưa được phát huy đầy đủ. Công tác kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm ở một số nơi, một số việc chưa triệt để nên hiệu lực, hiệu quả quản lý chưa cao.

Công tác phối hợp, trao đổi thông tin giữa các lực lượng chức năng chưa thường xuyên. Chưa thực sự quan tâm đúng mức, quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện và sơ kết, tổng kết chỉ thị, nghị quyết, chương trình, kế hoạch của Đảng, Chính phủ, Tỉnh ủy, UBND tỉnh về công tác phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, giải quyết, xử lý các mâu thuẫn, xung đột và tranh chấp, khiếu kiện, bảo đảm an ninh, trật tự.

Công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật nói chung và công tác tuyên truyền pháp luật về phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và cải cách tư pháp, khiếu nại, tố cáo nói riêng chưa thật sự hiệu quả. Vẫn còn tình trạng một số cấp ủy chưa coi trọng đến việc nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng; sự chỉ đạo, hướng dẫn của các ban, ngành, đoàn thể cấp huyện còn thiếu sâu sát,

chưa có giải pháp phù hợp để xây dựng Đảng vững mạnh; các cấp ủy cơ sở thiếu chủ động, còn trông chờ, ỷ lại vào cấp trên.

Một số cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên nhất là người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị chưa nhận thức đầy đủ, sâu sắc về yêu cầu, tầm quan trọng, sự cần thiết trong việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (*khóa XI, khóa XII, XIII*) gắn với thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, của Bộ Chính trị. Trong sinh hoạt chi bộ, một bộ phận cán bộ, đảng viên tinh thần đấu tranh bị giảm sút; một bộ phận người đứng đầu chưa công tâm, khách quan, dân chủ nên làm cho cán bộ, đảng viên thiếu chỗ dựa... Công tác sơ kết, tổng kết các chủ trương, chính sách, nghị quyết của Trung ương và cấp ủy các cấp đã được quan tâm, song bên cạnh đó vẫn còn nhiều cấp ủy, tổ chức đảng còn chưa được coi trọng, có cấp ủy còn triển khai qua loa, không phát hiện những vấn đề nổi cộm từ cơ sở, đề xuất những biện pháp tháo gỡ hoặc phát hiện các mô hình tiên tiến, các cá nhân, tập thể có cách làm hay, sáng tạo để nhân rộng. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xử lý một số vấn đề tồn tại, yếu kém có nơi, có lúc thiếu kiên quyết, dẫn đến kéo dài nhiều năm, khó giải quyết, nhất là lĩnh vực đất đai, đầu tư xây dựng.

Hoạt động của hệ thống chính trị có lúc, có nơi thiếu đồng bộ, chưa kịp thời, hiệu quả chưa cao, chưa nắm bắt được biến động tại cơ sở nên không có giải pháp tháo gỡ kịp thời gây ra các điểm nóng về tranh chấp đất đai, khiếu kiện đông người, xâm phạm đến an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội. Nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền về vai trò, vị trí của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội chưa đầy đủ. Năng lực, trình độ chuyên môn, kỹ năng vận động quần chúng của cán bộ làm công tác mặt trận, đoàn thể ở cơ sở còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Cơ sở vật chất, kinh phí hoạt động, chế độ chính sách đối với cán bộ làm công tác Mặt trận, đoàn thể, nhất là ở cơ sở còn khó khăn, bất cập đã ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả hoạt động của tổ chức.

III- BÀI HỌC KINH NGHIỆM

(1) Bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, thống nhất, tuyệt đối và trực tiếp của Đảng trên tất cả các lĩnh vực; phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc nêu gương cả trong nhận thức và hành động. Nắm vững các văn bản chỉ đạo của Trung ương, tỉnh để xây dựng, bổ sung hoàn thiện quy chế hoạt động, cụ thể hóa nội dung, phương thức lãnh đạo của đảng cho phù hợp với đặc điểm, tình hình của địa phương, cơ quan, đơn vị. Đề cao tính tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, đặc biệt là người đứng đầu.

(2) Mọi chủ trương, chính sách đều phải xuất phát từ nguyện vọng, lợi ích chính đáng và hạnh phúc của Nhân dân. Lấy sự hài lòng, tín nhiệm của người dân, doanh nghiệp làm thước đo đánh giá kết quả hoạt động của cơ quan, đơn vị, cán bộ và hiệu quả công việc.

(3) Tranh thủ tối đa sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo, giúp đỡ của Trung ương; sự phối hợp, hỗ trợ của các tỉnh bạn. Làm tốt công tác đối ngoại, hội nhập, tranh thủ mọi nguồn lực bên ngoài, góp phần vượt qua khó khăn, thách thức, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

(4) Phát huy sức mạnh tổng hợp để xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, thế trận lòng dân trong khu vực phòng thủ, đấu tranh làm thất bại âm mưu “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch.

(5) Nâng cao tinh thần đoàn kết, giữ vững kỷ luật, kỷ cương, tuân thủ nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Tăng cường trách nhiệm người đứng đầu; quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; chủ động tạo nguồn, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số đảm bảo tính kế thừa và chuyển tiếp liên tục giữa các thế hệ, tránh bị động, hẫng hụt. Phát huy vai trò tiên phong gương mẫu của đội ngũ đảng viên, trình độ năng lực tổ chức chỉ huy điều hành của đội ngũ cán bộ, đó là vấn đề then chốt quyết định thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội.

(6) Xây dựng tổ chức cơ sở đảng gắn với xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở, bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng; thường xuyên nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên và kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những người không đủ tư cách; coi trọng công tác kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện, điều chỉnh những mặt hạn chế, yếu kém từ cơ sở... Phát huy hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, tính tích cực, chủ động, sáng tạo của tổ chức Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết dân tộc toàn tỉnh.

(7) Tập trung chăm lo bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp của Nhân dân; chú trọng giải quyết hài hòa lợi ích các giai tầng, các thành phần kinh tế, tạo ổn định và phát triển; mở rộng các hình thức vận động, tập hợp quần chúng; củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc; phát huy mạnh mẽ lòng yêu nước, tinh thần trách nhiệm, sức sáng tạo, mọi nguồn lực trong dân cho phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở trên các lĩnh vực. Thường xuyên tiếp xúc, đối thoại với Nhân dân, lắng nghe, nắm bắt tình hình, phối hợp chặt chẽ, thống nhất quan điểm, giải quyết kịp thời các bức xúc của Nhân dân.

PHỤ LỤC 1A: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH ĐẮK LẮK (CŨ)
GIẢI ĐOẠN 2021 – 2025

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện từ năm 2020-2025 Đắk Lắk								Nghị quyết 2020-2025			Ghi chú
			TH năm 2020	2021	2022	2023	2024	Dự kiến TH 2025	Tổng 5 năm 2021-2025	BQ 5 năm	Đến 2025	Tổng 5 năm	BQ 5 năm	
I	VỀ KINH TẾ													
1	Giá trị Tổng sản phẩm (GRDP - giá SS 2010)	Tỷ đồng	50.389	53.306	57.731	60.291	63.356	68.425	303.109			308.081		Không đạt
-	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Tỷ đồng	18.805	20.158	21.349	22.437	23.520	24.930	112.394			102.168		
-	Công nghiệp - xây dựng	Tỷ đồng	7.258	8.345	9.130	9.630	10.220	11.450	48.774			50.369		
+	<i>Công nghiệp</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>3.906</i>	<i>4.971</i>	<i>5.821</i>	<i>6.120</i>	<i>6.512</i>	<i>7.350</i>	<i>30.773</i>			<i>30.565</i>		
+	<i>Xây dựng</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>3.352</i>	<i>3.374</i>	<i>3.309</i>	<i>3.510</i>	<i>3.708</i>	<i>4.100</i>	<i>18.001</i>			<i>19.804</i>		
-	Dịch vụ	Tỷ đồng	21.998	22.523	24.849	25.836	27.236	29.550	129.994			139.701		
-	Thuế SP trừ trợ cấp SP	Tỷ đồng	2.327	2.280	2.403	2.388	2.380	2.495	11.946			15.843		
*	Tốc độ tăng trưởng kinh tế	%	6,11	5,79	8,30	4,43	5,08	8,0		6,31			7,01	
-	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	7,17	7,20	5,91	5,10	4,83	5,99		5,80			4,33	
-	Công nghiệp - xây dựng	%	14,40	14,97	9,41	5,48	6,12	12,04		9,55			11,65	
+	<i>Công nghiệp</i>	<i>%</i>	<i>14,75</i>	<i>27,25</i>	<i>17,10</i>	<i>5,13</i>	<i>6,41</i>	<i>12,87</i>		<i>13,48</i>			<i>14,64</i>	
+	<i>Xây dựng</i>	<i>%</i>	<i>14,00</i>	<i>0,65</i>	<i>(1,92)</i>	<i>6,09</i>	<i>5,62</i>	<i>10,58</i>		<i>4,11</i>			<i>7,43</i>	
-	Dịch vụ	%	3,26	2,39	10,33	3,97	5,42	8,50		6,08			7,16	
-	Thuế SP trừ trợ cấp SP	%	1,63	(2,04)	5,41	(0,62)	(0,32)	4,82		1,40			9,45	
*	Giá trị tổng sản phẩm (GRDP - giá HH)	Tỷ đồng	86.959	97.278	108.759	121.098	141.326	159.506	627.968	12,9		511.334		
-	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Tỷ đồng	31.947	36.415	40.275	45.518	57.144	63.295	242.647			165.523		
-	Công nghiệp và xây dựng	Tỷ đồng	13.337	16.735	18.744	21.725	24.710	28.986	110.900			75.456		
+	<i>Công nghiệp</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>8.298</i>	<i>11.287</i>	<i>12.719</i>	<i>15.383</i>	<i>18.048</i>	<i>21.288</i>	<i>78.725</i>			<i>45.689</i>		
+	<i>Xây dựng</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>5.040</i>	<i>5.448</i>	<i>6.025</i>	<i>6.342</i>	<i>6.661</i>	<i>7.698</i>	<i>32.175</i>			<i>29.767</i>		
-	Dịch vụ	Tỷ đồng	37.676	39.976	45.236	49.071	54.173	61.421	249.877			243.659		

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện từ năm 2020-2025 Đắc Lắc								Nghị quyết 2020-2025			Ghi chú
			TH năm 2020	2021	2022	2023	2024	Dự kiến TH 2025	Tổng 5 năm 2021-2025	BQ 5 năm	Đến 2025	Tổng 5 năm	BQ 5 năm	
-	Thuế SP trừ trợ cấp SP	Tỷ đồng	3.999	4.152	4.504	4.784	5.299	5.805	24.544			26.696		
*	Cơ cấu kinh tế		100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00			100,00			
-	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	36,74	37,43	37,03	37,59	40,43	39,68			28,28			
-	Công nghiệp - xây dựng	%	15,34	17,20	17,23	17,94	17,48	18,17			23,82			
+	<i>Công nghiệp</i>		<i>9,54</i>	<i>11,60</i>	<i>11,69</i>	<i>12,70</i>	<i>12,77</i>	<i>13,35</i>			-			
+	<i>Xây dựng</i>		<i>5,80</i>	<i>5,60</i>	<i>5,54</i>	<i>5,24</i>	<i>4,71</i>	<i>4,83</i>			-			
-	Dịch vụ	%	43,33	41,09	41,59	40,52	38,33	38,51			42,95			
-	Thuế SP trừ trợ cấp SP	%	4,60	4,27	4,14	3,95	3,75	3,64			4,95			
2	GRDP bình quân đầu người (đến năm 2025)	Triệu đồng	46,08	50,96	56,24	62,97	72,60	81,67			70,69			Vượt
3	Tổng huy động vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	39.913	41.709	33.098	35.560	36.990	47.870	195.227			179.000		Vượt
4	Tổng giá trị xuất khẩu	Triệu USD	1.134	1.151	1.585	1.496	1.853	1.860	7.944			3.520		Vượt
5	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	Tỷ đồng	83.500	82.213	92.760	100.039	111.319	120.000	506.331			476.400		Vượt
6	Tổng thu cân đối NSNN trên địa bàn (trong 5 năm)	Tỷ đồng	8.437	8.227	9.168	7.894	8.679	9.550	43.517,7			53.000		Không đạt
7	Phát triển cơ sở hạ tầng (đến năm 2025)													
-	Tỷ lệ đảm bảo tưới cho cây trồng dùng nước	%	82,00	82,65	83,28	83,88	84,45	85,00			85,00			Đạt
-	Tỷ lệ nhựa hoặc bê tông hoá đường tỉnh	%	96,01	96,01	96,64	96,64	97,17	100,00			100,00			Đạt
-	Tỷ lệ nhựa hoặc bê tông hoá đường huyện	%	91,57	92,04	95,14	95,14	96,92	100,00			100,00			Đạt

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện từ năm 2020-2025 Đắc Lắc								Nghị quyết 2020-2025			Ghi chú
			TH năm 2020	2021	2022	2023	2024	Dự kiến TH 2025	Tổng 5 năm 2021-2025	BQ 5 năm	Đến 2025	Tổng 5 năm	BQ 5 năm	
-	Tỷ lệ nhựa hoặc bê tông hoá đường xã, liên xã	%	64,96	65,52	69,96	69,96	71,96	82,17			75,00			Đạt
-	Tỷ lệ đô thị hóa	%	24,74				-	35,59			>35			Đạt
8	Phát triển doanh nghiệp, HTX (trong 5 năm)													
-	Số doanh nghiệp thành lập mới	DN	1.574	1.051	1.410	1.371	1.472	1.619	6.923			8.450		Không đạt
-	Số hợp tác xã thành lập mới	HTX	65	53	75	116	66	60	370			200		Vượt
II	VỀ VĂN HÓA - XÃ HỘI													
9	Giảm nghèo													
-	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo (bình quân/năm)	%	1,42	1,57	1,85	1,79	2,77	3,00	12,4	2,48			1,5-2	Vượt
	<i>Trong đó: Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số</i>	%	1,53	3,32	3,66	3,38	5,99	3-4					3-4	Đạt
-	Giảm tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị (đến năm 2025)	%	2,55	2,60	2,50	2,45	2,40	2,30			2,30			Đạt
10	Lao động và việc làm (đến năm 2025)													
-	Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng số lao động tham gia hoạt động kinh tế	%	62,00	60,00	59,00	58,00	57,00	56,00			56,00			Đạt
-	Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề	%	45,00	60,50	62,00	63,00	64,00	65,00			65,00			Đạt
-	Tỷ lệ lao động có bằng cấp chứng chỉ	%	19,53	20,00	20,89	21,57	22,25	22,93			22,93			Đạt
-	Số lao động được tạo việc làm (trong 5 năm)	Nghìn người	30,20	29,50	41,25	30,17	30,35	30,30	161,57			150		Vượt
-	<i>Xuất khẩu lao động (trong 5 năm)</i>	Người	1.100	400	1.580	1.590	1.700	2.500	7.770			7.000		Vượt
11	Tỷ lệ trường học đạt chuẩn Quốc gia	%	52,00	54,3	57,88	60,92	62,00	63,00			60,00			Vượt

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện từ năm 2020-2025 Đắc Lắc								Nghị quyết 2020-2025			Ghi chú
			TH năm 2020	2021	2022	2023	2024	Dự kiến TH 2025	Tổng 5 năm 2021-2025	BQ 5 năm	Đến 2025	Tổng 5 năm	BQ 5 năm	
12	Y tế (đến năm 2025)													
-	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (cân nặng theo độ tuổi)	%	18,40	18,20	18,00	17,80	17,60	17,40			17,40			Đạt
-	Số giường bệnh trên một vạn dân (không tính giường của trạm y tế xã)	Giường	27,00	27,5	28,0	28,50	29,00	29,00			29,00			Đạt
-	Số bác sỹ trên một vạn dân	Bác sỹ	6,85	6,85	7,15	7,50	7,70	8,00			8,00			Đạt
-	Tỷ lệ bao phủ Bảo hiểm y tế	%	90,23	90,97	92,27	92,70	93,50	95,00			>90			Đạt
13	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới (đến năm 2025)	%	43,42	46,71	48,68	49,67	54,36	65,10			>65,0			Đạt
	Lũy kế số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	66/152	71/152	74/152	75/151	81/149	97/149			100/152			Đạt
	Lũy kế số đơn vị cấp huyện hoàn thành Chương trình xây dựng nông thôn mới	đơn vị	-	1	1	1	1	4			4			Đạt
III	VỀ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU													
14	Tỷ lệ khu, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường (đến năm 2025)	%	11,11	11,11	22,22	30,00	33,33	100,00			100,00			Đạt
	Tỷ lệ thu gom chất thải rắn ở đô thị được xử lý (đến năm 2025)	%	90,30	90,70	91,00	91,40	91,80	92,00			92,00			Đạt
	Tỷ lệ che phủ rừng (đến năm 2025)	%	38,74	38,35	38,03	38,04	38,10	40,00			40-42			Đạt
	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh (đến năm 2025)	%	95,20	96,20	96,40	97,15	97,15	97,50			97,50			Đạt
	Tỷ lệ dân số thành thị được cung cấp nước sạch (đến năm 2025)	%	90,00	90,50	91,00	91,50	92,00	92,50			92,50			Đạt

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện từ năm 2020-2025 Đắc Lắc								Nghị quyết 2020-2025			Ghi chú
			TH năm 2020	2021	2022	2023	2024	Dự kiến TH 2025	Tổng 5 năm 2021-2025	BQ 5 năm	Đến 2025	Tổng 5 năm	BQ 5 năm	
15	Chỉ số CCHC (PAR index)		Xếp hạng 45/63	Xếp hạng 36/63	Xếp hạng 38/63	Xếp hạng 28/63 (Tăng 10 bậc so với năm 2022)	Xếp hạng 53/63, giảm 25 bậc so với năm 2023	Tăng 5 bậc so với năm 2024			Nằm trong nhóm 20 tỉnh dẫn đầu			Đạt
	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết theo dịch vụ công trực tuyến 1 phần và toàn trình trên tổng số hồ sơ	%	-	-	-	21,68	40,00	45,00			-			
	Tỷ lệ trả kết quả theo hình thức trực tuyến	%	-	-	-	6,45	15,00	20,00			-			
IV	VỀ QUỐC PHÒNG, AN NINH													
16	Tỷ lệ đạt chỉ tiêu tuyển quân	%	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00					100,00	Đạt
	Tổ chức diễn tập theo cơ chế NQ28													
	+ Cấp tỉnh	lần	-	1			-	-				1		
	+ Cấp huyện (hàng năm)	Đơn vị		4	6	5	-	-				15		
	+ Cấp xã (hàng năm)	xã, phường, thị trấn		62	63	59	-	-				184		
	Tỷ lệ điều tra làm rõ số vụ án hình sự	%		94,82	94,02	96,28	>85					>85		
	<i>Trong đó:</i> Án rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng	%		100,00	100,00	100,00	>90					>90		
	Giảm tỷ lệ tai nạn giao thông so với cùng kỳ năm trước					Giảm 02 tiêu chí	Giảm 01 tiêu chí	Giảm cả 3 tiêu chí					Giảm cả 3 tiêu chí	
	+ Số vụ	Vụ	Giảm 8,7%	Giảm 21,5%	Giảm 12 vụ	Giảm 02 vụ	giảm 15 vụ							

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện từ năm 2020-2025 Đắc Lắc								Nghị quyết 2020-2025			Ghi chú
			TH năm 2020	2021	2022	2023	2024	Dự kiến TH 2025	Tổng 5 năm 2021-2025	BQ 5 năm	Đến 2025	Tổng 5 năm	BQ 5 năm	
	+ Số người chết	Người	Giảm 1,3%	Giảm 19,91 %	Giảm 15 người	Tăng 15 người	tăng 08 người							
	+ Số người bị thương	Người	Giảm 16,1%	Giảm 19,6%	Giảm 34 người	Giảm 18 người	tăng 17 người							

PHỤ LỤC 1B: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH PHÚ YÊN (CŨ)
GIẢI ĐOẠN 2021 - 2025

TT	Chỉ tiêu giao tại NQ	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện từ năm 2020-2025 Phú Yên								Nghị quyết 2020-2025			Ghi chú
			2020	2021	2022	2023	2024	Dự kiến TH 2025	Tổng 5 năm 2021-2025	BQ 5 năm	Đến 2025	Tổng 5 năm	BQ 5 năm	
1	Giá trị Tổng sản phẩm (GRDP - giá SS 2010)	Tỷ đồng	26.537	26.500	28.439	31.120	33.040	35.683	154.781					
-	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Tỷ đồng	6.489	6.631	6.851	7.112	7.415	7.727	35.735					
-	Công nghiệp - xây dựng	Tỷ đồng	7.638	7.466	7.821	9.433	10.138	11.276	46.135					
+	<i>Công nghiệp</i>	<i>Tỷ đồng</i>	4.728	4.931	5.543	6.156	6.615	7.163	30.408					
+	<i>Xây dựng</i>	<i>Tỷ đồng</i>	2.910	2.535	2.279	3.277	3.523	4.113	15.727					
-	Dịch vụ	Tỷ đồng	11.084	11.081	12.443	13.217	14.062	15.190	65.994					
-	Thuế SP trừ trợ cấp SP	Tỷ đồng	1.327	1.322	1.323	1.358	1.425	1.491	6.918					
*	Tốc độ tăng trưởng kinh tế	%		(0,14)	7,31	9,43	6,17	8,00		6,10			8,5	Không đạt
-	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%		2,19	3,31	3,81	4,26	4,21		3,55				
-	Công nghiệp - xây dựng	%		(2,25)	4,76	20,61	7,48	11,23		8,10				
+	<i>Công nghiệp</i>	%		4,30	12,41	11,06	7,45	8,29		8,67				
+	<i>Xây dựng</i>	%			(10,12)	43,82	7,52	16,70		7,17				
-	Dịch vụ	%		(0,02)	12,29	6,22	6,39	8,02		6,51				
-	Thuế SP trừ trợ cấp SP	%		(0,39)	0,11	2,58	4,94	4,64		2,35				

TT	Chỉ tiêu giao tại NQ	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện từ năm 2020-2025 Phú Yên								Nghị quyết 2020-2025			Ghi chú
			2020	2021	2022	2023	2024	Dự kiến TH 2025	Tổng 5 năm 2021-2025	BQ 5 năm	Đến 2025	Tổng 5 năm	BQ 5 năm	
*	Giá trị tổng sản phẩm (GRDP - giá HH)	Tỷ đồng	44.142	45.116	50.313	57.277	62.597	69.742	285.045					
-	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Tỷ đồng	11.305	11.992	12.915	13.907	14.767	15.845	69.426					
-	Công nghiệp và xây dựng	Tỷ đồng	11.935	11.784	13.172	16.576	18.335	20.902	80.769					
+	<i>Công nghiệp</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>7.568</i>	<i>7.724</i>	<i>9.217</i>	<i>10.894</i>	<i>12.244</i>	<i>13.530</i>	<i>53.609</i>					
+	<i>Xây dựng</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>4.367</i>	<i>4.060</i>	<i>3.955</i>	<i>5.682</i>	<i>6.091</i>	<i>7.372</i>	<i>27.159</i>					
-	Dịch vụ	Tỷ đồng	18.703	19.098	21.891	24.309	26.810	30.059	122.166					
-	Thuế SP trừ trợ cấp SP	Tỷ đồng	2.199	2.242	2.335	2.486	2.685	2.929	12.677					
*	Cơ cấu kinh tế		100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00						
-	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	25,61	26,58	25,67	24,28	23,59	22,72						
-	Công nghiệp - xây dựng	%	27,04	26,12	26,18	28,94	29,29	29,97						
+	<i>Công nghiệp</i>		17,14	17,12	18,32	19,02	19,56	19,40						
+	<i>Xây dựng</i>		9,89	9,00	7,86	9,92	9,73	10,57						
-	Dịch vụ	%	42,37	42,33	43,51	42,44	42,83	43,10						
-	Thuế SP trừ trợ cấp SP	%	4,98	4,97	4,64	4,34	4,29	4,20						
2	Tổng huy động vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	17.432	17.892	18.968	23.195	21.556	25.800	107.411	8,2		95.000		Vượt
3	Tổng thu cân đối NSNN trên địa bàn (trong 5 năm)	Tỷ đồng	5.091	7.503	5.115	4.199	5.451	5.900	28.168,0	3,0	11.000			Không đạt

TT	Chỉ tiêu giao tại NQ	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện từ năm 2020-2025 Phú Yên								Nghị quyết 2020-2025			Ghi chú
			2020	2021	2022	2023	2024	Dự kiến TH 2025	Tổng 5 năm 2021-2025	BQ 5 năm	Đến 2025	Tổng 5 năm	BQ 5 năm	
4	Tổng giá trị xuất khẩu	Triệu USD	180	209	250	280	333	375	1.448	15,8	370			Vượt
5	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới (đến năm 2025)	%		71,00	76,00	77,00	78,00	80,00			80			Đạt
	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao			19	24	25	31	31			15			Vượt
	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu						3	6			5			Đạt
6	Tỷ lệ đô thị hóa	%		38,50	38,50	38,50	38,50	45,00			45			Đạt
7	Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề	%		71,65	74,27	76,04	78,00	80,00			80			Đạt
	Tỷ lệ lao động có bằng cấp chứng chỉ	%		25,55	27,15	28,01	29,00	30,00			30			Đạt
8	Số lao động được tạo việc làm (trong 5 năm)	Nghìn người		22,06	25,00	29,58	27,04	27,00	130,68		25.000			Vượt
	Tỷ lệ thất nghiệp toàn tỉnh	%		2,70	2,66	2,62	2,50	< 2			< 2			Đạt
	Tỷ lệ lao động tham gia BHXH	%		16,40	17,10	18,65	20,00	21,60			21,6			Đạt
9	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo (bình quân/năm)	%		0,79	0,87	0,88	0,78	1,02	4,34	0,87			1,5-2	Không đạt
10	Số bác sỹ trên một vạn dân	Bác sỹ		7,8	8,4	9,05	10,04	10,00			10			Đạt
	Số giường bệnh trên một vạn dân (không tính giường của trạm y tế xã)	Giường		30,5	30,5	30,5	31,50	31,50			30			Đạt

TT	Chỉ tiêu giao tại NQ	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện từ năm 2020-2025 Phú Yên								Nghị quyết 2020-2025			Ghi chú
			2020	2021	2022	2023	2024	Dự kiến TH 2025	Tổng 5 năm 2021-2025	BQ 5 năm	Đến 2025	Tổng 5 năm	BQ 5 năm	
	Tỷ lệ bao phủ Bảo hiểm y tế	%		92,4	92,95	94,21	94,06	95,00			95			Đạt
11	Tỷ lệ che phủ rừng	%		46,25	46,55	47,16	47,80	48,00			48			Đạt
12	Tỷ lệ dân số thành thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%		91,00	92,00	93,00	94,00	95,00			95			Đạt
	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	%		60,60	83,40	70,60	71,00	>60			>60			Đạt
13	Tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường (PY)	%		100,00	100,00	100,00	100,00	100			100			Đạt
	Tỷ lệ xử lý chất thải rắn y tế đạt tiêu chuẩn (PY)	%		100,00	100,00	100,00	100,00	100,00			100			Đạt
	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý (PY)	%		100,00	100,00	100,00	100,00	100,00			100			Đạt

PHỤ LỤC 1C

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH ĐẮK LẮK GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

TT	Chỉ tiêu giao tại NQ	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện từ năm 2020-2025 Đắc Lắc			Kết quả thực hiện từ năm 2020-2025 Phú Yên			Kết quả tổng hợp		
			Dự kiến TH 2025	Tổng 5 năm 2021-2025	BQ 5 năm	Dự kiến TH 2025	Tổng 5 năm 2021-2025	BQ 5 năm	Dự kiến TH 2025	Tổng 5 năm 2021-2025	BQ 5 năm
I	VỀ KINH TẾ										
1	Giá trị Tổng sản phẩm (GRDP - giá SS 2010)	Tỷ đồng	68.425	303.109		35.683	154.781		104.108	457.890	
*	Tốc độ tăng trưởng kinh tế	%	8,0		6,31	8,00		6,10	8,00		6,24
-	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	5,99		5,80	4,21		3,55	5,57		5,24
-	Công nghiệp - xây dựng	%	12,04		9,55	11,23		8,10	11,63		8,82
+	Công nghiệp	%	12,87		13,48	8,29		8,67	10,56		10,95
+	Xây dựng	%	10,58		4,11	16,70		7,17	13,58		5,57
-	Dịch vụ	%	8,50		6,08	8,02		6,51	8,33		6,22
-	Thuế SP trừ trợ cấp SP	%	4,82		1,40	4,64		2,35	4,75		1,75
*	Giá trị tổng sản phẩm (GRDP - giá HH)	Tỷ đồng	159.506	627.968	12,9	69.742	285.045		229.248	913.014	11,8
*	Cơ cấu kinh tế		100,00			100,00			100,00		
-	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	39,68			22,72			34,52		
-	Công nghiệp - xây dựng	%	18,17			29,97			21,76		
+	Công nghiệp		13,35			19,40			15,19		
+	Xây dựng		4,83			16,34			6,57		
-	Dịch vụ	%	38,51			43,10			39,90		

TT	Chỉ tiêu giao tại NQ	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện từ năm 2020-2025 Đắk Lắk			Kết quả thực hiện từ năm 2020-2025 Phú Yên			Kết quả tổng hợp		
			Dự kiến TH 2025	Tổng 5 năm 2021-2025	BQ 5 năm	Dự kiến TH 2025	Tổng 5 năm 2021-2025	BQ 5 năm	Dự kiến TH 2025	Tổng 5 năm 2021-2025	BQ 5 năm
-	Thuế SP trừ trợ cấp SP	%	3,64			4,20			3,81		
2	GRDP bình quân đầu người (đến năm 2025) (ĐL)	Triệu đồng	81,67			78,60					
3	Tổng huy động vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	47.870	195.227	3,7	25.800	107.411	8,2	73.670	302.638	5,1
4	Tổng giá trị xuất khẩu	Triệu USD	1.860	7.944	10,4	375	1.448	15,8	2.235	9.392	11,2
5	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (ĐL)	Tỷ đồng	120.000	506.331	7,5	62.281	245.856	12,7	182.281	752.187	9,1
6	Tổng thu cân đối NSNN trên địa bàn (trong 5 năm)	Tỷ đồng	9.550	43.517,7	2,5	5.900	28.168,0	3,0	15.450	71.686	2,7
7	Phát triển cơ sở hạ tầng (đến năm 2025)										
-	Tỷ lệ đảm bảo tưới cho cây trồng dùng nước (ĐL)	%	85,00								
-	Tỷ lệ nhựa hoặc bê tông hoá đường tỉnh (ĐL)	%	100,00								
-	Tỷ lệ nhựa hoặc bê tông hoá đường huyện (ĐL)	%	100,00								
-	Tỷ lệ nhựa hoặc bê tông hoá đường xã, liên xã (ĐL)	%	82,17								
-	Tỷ lệ đô thị hóa	%	35,59			45,00			27,2		
8	Phát triển doanh nghiệp, HTX (ĐL)										
-	Số doanh nghiệp thành lập mới	DN	1.619	6.923		500	2.422		2.119	9.345	0,2

TT	Chỉ tiêu giao tại NQ	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện từ năm 2020-2025 Đắk Lắk			Kết quả thực hiện từ năm 2020-2025 Phú Yên			Kết quả tổng hợp		
			Dự kiến TH 2025	Tổng 5 năm 2021-2025	BQ 5 năm	Dự kiến TH 2025	Tổng 5 năm 2021-2025	BQ 5 năm	Dự kiến TH 2025	Tổng 5 năm 2021-2025	BQ 5 năm
-	Số hợp tác xã thành lập mới	HTX	60	370		15	93		75	463	
II	VỀ VĂN HÓA - XÃ HỘI										
9	Giảm nghèo										
-	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo (bình quân/năm)	%	3,00	10,71	2,14	1,02	4,34	0,87	2,73		
	<i>Trong đó: Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số (ĐL)</i>	%	3-4						9,77		
-	Giảm tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị (ĐL)	%	2,30						2,4		
10	Lao động và việc làm (đến năm 2025)										
-	Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng số lao động tham gia hoạt động kinh tế (ĐL)	%	56,00								
-	Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề	%	65,00			80,00					
-	Tỷ lệ lao động có bằng cấp chứng chỉ	%	22,93			30,00					
-	Số lao động được tạo việc làm (trong 5 năm)	Nghìn người	30,30	161,57		27,00	130,68		57,30		
-	<i>Xuất khẩu lao động (ĐL)</i>	<i>Người</i>	<i>2.500</i>	<i>7.770</i>							
-	Tỷ lệ thất nghiệp toàn tỉnh (PY)	%				< 2					
-	Tỷ lệ lao động tham gia BHXH (PY)	%				21,60					

[illegible]

TT	Chỉ tiêu giao tại NQ	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện từ năm 2020-2025 Đắk Lắk			Kết quả thực hiện từ năm 2020-2025 Phú Yên			Kết quả tổng hợp		
			Dự kiến TH 2025	Tổng 5 năm 2021-2025	BQ 5 năm	Dự kiến TH 2025	Tổng 5 năm 2021-2025	BQ 5 năm	Dự kiến TH 2025	Tổng 5 năm 2021-2025	BQ 5 năm
14	Tỷ lệ khu, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường (ĐL)	%	100								
	Tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường (PY)	%				100			100		
	Tỷ lệ thu gom chất thải rắn ở đô thị được xử lý (ĐL)	%	92,00								
	Tỷ lệ che phủ rừng (đến năm 2025)	%	38,80			48,00			41,37		
	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh (đến năm 2025)	%	97,50			>60			98,42		
	Tỷ lệ dân số thành thị được cung cấp nước sạch (đến năm 2025)	%	92,50			95,00			92,5		
	Tỷ lệ xử lý chất thải rắn y tế đạt tiêu chuẩn (PY)	%				100,00					
	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý (PY)	%				100,00					
15	Chỉ số CCHC (PAR index) (ĐL)		Tăng 5 bậc so với năm 2024								

PHỤ LỤC SỐ 3A
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU VỀ XÂY DỰNG ĐẢNG TỈNH ĐẮK LẮK, NHIỆM KỲ 2020-2025

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch giai đoạn 2020-2025								Ghi chú
		TH năm 2020	2021	2022	2023	2024	2025	Tổng 5 năm	BQ 5 năm (%)	
Xây dựng đảng, xây dựng hệ thống chính trị										
Số tổ chức cơ sở đảng đạt mức hoàn thành tốt nhiệm vụ	%		74,29%	74,86%	76,35%	94,9 5%		302,45%	80,11%	(Tỷ lệ HTTNV năm 2024 bao gồm HTXSNV)
Số tổ chức cơ sở đảng đạt mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	%		15,71%	18,57%	17,97%	18,92 %		71,17%	17,79%	
Bình quân hàng năm kết nạp mới đảng viên (trên tổng số đảng viên)	%		2,54%	2,43%	3,28%	3,43 %	0,95%	12,63	2,53%	

PHỤ LỤC SỐ 3B
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU VỀ XÂY DỰNG ĐẢNG TỈNH PHÚ YÊN, NHIỆM KỲ 2020-2025

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch giai đoạn 2020-2025								Ghi chú
			TH năm 2020	2021	2022	2023	2024	2025	Tổng 5 năm	BQ 5 năm (%)	
17	Xây dựng đảng, xây dựng hệ thống chính trị										
	Số tổ chức cơ sở đảng đạt mức hoàn thành tốt nhiệm vụ	%	74,63%	77,23%	76,66%	77,02%	95,42%		326,33%	81,58%	(Tỷ lệ HTTNV năm 2024 bao gồm HTXSNN)
	Số tổ chức cơ sở đảng đạt mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	%	18,55%	17,89%	16,58%	17,54%	17,66%		69,67%	17,79%	Tỷ lệ HTXSNN tính so với tổng số đảng viên HTTNV trở lên
	Bình quân hàng năm kết nạp mới đảng viên (trên tổng số đảng viên)	%	3,28%	3,46%	3,42%	3,32%	3,63%	1,50%	13,83%	2,77%	

PHỤ LỤC SỐ 4
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU MẶT TRẬN TỔ QUỐC VÀ CÁC TỔ
CHỨC CHÍNH TRỊ NHIỆM KỲ 2020-2025

Stt	Nội dung	Số liệu tỉnh Đắk Lắk	Số liệu tỉnh Phú Yên
1	Đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ, báo giới Trong đó đội ngũ trí thức có trình độ cao	46.000 người 15.000 người	19.790 người Hơn 1.620 người
2	Kiểm bào tình ở nước ngoài Số vùng, lãnh thổ, quốc gia làm ăn, sinh sống	9.000 người 30	Hơn 12.000 người 37
3	Kêu gọi, vận động, ủng hộ: - Phòng, chống dịch Covid-19 - Hỗ trợ nhân dân các tỉnh phía Bắc bị ảnh hưởng nặng nề do cơn bão số 3 (Yagi)	57,5 tỷ đồng 35 tỷ đồng	34,34 tỷ đồng 22,59 tỷ đồng
4	Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh: - Tổ chức giám sát chuyên đề - Phản biện xã hội Trong đó: - Tổ chức phản biện bằng văn bản - Tổ chức hội nghị phản biện xã hội trực tiếp - Bảng hình thức đối thoại	30 cuộc 185 dự thảo văn bản các loại 179 dự thảo 05 hội nghị 01 dự án	46 cuộc 188 dự thảo văn bản QPPL, 02 đề án và 04 dự án 178 dự thảo 07 hội nghị 03 dự án
5	- Ban Thanh tra nhân dân các cấp đã tổ chức giám sát	655 vụ việc	8.013 vụ việc
6	- Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng đã tổ chức giám sát	Trên 1.000 công trình, dự án	10.134 công trình, dự án
7	Tổng số công nhân, viên chức, lao động trong các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có tổ chức Công đoàn Trong đó đoàn viên Công đoàn	81.563 người 78.866 người	48.299 người 45.423 người
8	Tổng số Công đoàn cơ sở trên địa bàn tỉnh	1.787 tổ chức	934 CĐCS

PHỤ LỤC
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC KHÂU ĐỘT PHÁ THEO NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH NHIỆM KỲ 2020 – 2025

A. ĐỐI VỚI ĐỘT PHÁ CỦA TỈNH ĐẮK LẮK

(1) Về đẩy mạnh cải cách hành chính: Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công được đẩy mạnh, góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số. Tiến hành sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập, nâng cao hiệu quả hoạt động. Trung tâm Phục vụ hành chính công và Bộ phận Một cửa các cấp có nhiều đổi mới, hướng tới sự hài lòng của tổ chức, doanh nghiệp, người dân. Kết quả CCHC được cải thiện khá qua từng năm. Cải cách thể chế được chú trọng thực hiện, việc rà soát, tháo gỡ vướng mắc pháp lý cho sản xuất, kinh doanh được triển khai thường xuyên, kịp thời. Cơ chế một cửa, một cửa liên thông được triển khai sâu rộng, đồng bộ, 100% TTHC đủ điều kiện được cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính; cải cách chế độ công vụ; công tác quản lý, sử dụng tài sản công, cải cách tài chính công; xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, hướng đến chính quyền số được chú trọng, đạt kết quả tốt.

(2) Về tập trung phát triển nguồn nhân lực: Công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao nhằm đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế được quan tâm chỉ đạo tích cực. Dự báo quy mô dân số năm 2025 là 1,953 triệu người, trong đó lực lượng lao động là 1,141 triệu người. Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển dịch tích cực, tỷ lệ lao động nông nghiệp giảm từ 62% năm 2020 xuống còn 56% năm 2025. Chất lượng nguồn nhân lực ngày càng được nâng cao; tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng từ 45% năm 2020 lên 65% năm 2025, trong đó tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ tăng từ 19,53% năm 2020 lên 22,93% năm 2025.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động được triển khai đồng bộ, hiệu quả, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của thị trường lao động; nhiều chương trình đào tạo nghề cho thanh niên, đặc biệt là học sinh sau tốt nghiệp Trung học cơ sở được triển khai, từng bước đáp ứng yêu cầu về nhân lực của các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh có chuyển biến tích cực, gắn đào tạo, bồi dưỡng với nhu cầu sử dụng, theo vị trí việc làm, đào tạo, bồi dưỡng đảm bảo đúng đối tượng, số lượng. Bên cạnh đó, triển khai Nghị quyết số 72/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Buôn Ma Thuột, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 34/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 quy định chính sách ưu đãi; tiêu chí xác định đối tượng chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt trong các lĩnh vực cần thu hút làm việc tại các cơ quan chuyên môn và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc

thành phố Buôn Ma Thuột.

Đội ngũ cán bộ được chuẩn hóa, cơ bản đảm bảo về trình độ và năng lực theo vị trí công tác. Đã ban hành các quy chế, quy định thể hiện sự đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ trong công tác cán bộ; công tác đánh giá, quy hoạch cán bộ chặt chẽ và thực chất hơn; thực hiện tốt chủ trương bố trí cán bộ không phải là người địa phương. Các chính sách cán bộ được thực hiện đầy đủ, kịp thời. Giải quyết tốt những vấn đề về lịch sử chính trị, chú trọng vấn đề chính trị hiện nay.

(3) Về đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại: Công tác phát triển hạ tầng giao thông được Trung ương và địa phương tập trung đầu tư xây dựng; được các cấp, ngành quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Tập trung ưu tiên bố trí vốn đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng, nhất là các công trình hạ tầng giao thông quan trọng quốc gia, công trình giao thông kết nối. Nhiều dự án trọng điểm được đầu tư hoàn thành, đưa vào khai thác sử dụng: Tuyến tránh phía Tây thị xã Buôn Hồ, đường Hồ Chí Minh, các đoạn tuyến tránh thị trấn Ea Drăng, đường Đông Tây TP. Buôn Ma Thuột... Song song đó, nhiều dự án quan trọng phát triển hạ tầng giao thông kết nối vùng, khu vực khác cũng đã được phê duyệt và triển khai thực hiện, như: Tuyến đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột; tuyến tránh phía Đông TP. Buôn Ma Thuột; Dự án Cải tạo nâng cấp Tỉnh lộ 1, Tỉnh lộ 2, Tỉnh lộ 3, Tỉnh lộ 9, Tỉnh lộ 12, Tỉnh lộ 13, Quốc lộ 29... khi hoàn thành cũng sẽ tạo động lực lớn cho tỉnh. Chỉ tiêu nhựa hóa hoặc bê tông hóa các tuyến đường địa phương cũng tăng lên đáng kể, đường tỉnh tăng từ 96,64% năm 2023 lên 97,17% năm 2024; dự kiến đến cuối năm 2025 đạt 100%; đường huyện tăng từ 95,14% lên 96,97%; dự kiến đến cuối năm 2025 đạt 100%; đường xã tăng từ 69,96% lên 79,98%; dự kiến đến cuối năm 2025 đạt 82,17%; tập trung chỉ đạo làm tốt công tác giải phóng mặt bằng, ưu tiên bố trí 100% chi phí giải phóng mặt bằng Dự án đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột đoạn qua tỉnh Đắk Lắk, triển khai Dự án thực hiện đúng yêu cầu nhiệm vụ, kế hoạch đề ra.

B- ĐỐI VỚI ĐỘT PHÁ CỦA TỈNH PHÚ YÊN

(1) Về xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp: Đội ngũ cán bộ được chuẩn hóa, cơ bản đảm bảo về trình độ và năng lực theo vị trí công tác. Đã ban hành các quy chế, quy định thể hiện sự đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ trong công tác cán bộ; công tác đánh giá, quy hoạch cán bộ chặt chẽ và thực chất hơn; cử hơn 13.400 lượt cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng; kịp thời phân công, điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, hiệp y bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đối với 289 lượt cán bộ; thực hiện tốt chủ trương bố trí cán bộ không phải là người địa phương. Các chính sách cán bộ được thực hiện đầy đủ, kịp thời. Giải quyết tốt những vấn đề về lịch sử chính trị, chú trọng vấn đề chính trị hiện nay.

(2) Về xây dựng con người Phú Yên phát triển toàn diện: Các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra đạt kết quả khá tốt; có 14/18 chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch đề ra, 04/18 chỉ tiêu phấn đấu đạt được vào cuối năm 2025. Giáo dục, đào tạo

từng bước đổi mới, nâng cao chất lượng theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học; hợp tác quốc tế về giáo dục được chú trọng; nhiều học sinh đạt giải thưởng trong các cuộc thi cấp quốc gia, quốc tế. Nguồn nhân lực khoa học được phát huy trên các lĩnh vực, bước đầu hình thành cơ sở dữ liệu nguồn nhân lực khoa học và công nghệ. Chất lượng môi trường sống, làm việc, chế độ dinh dưỡng, rèn luyện thân thể, văn hóa tinh thần từng bước được nâng cao; phong trào tập luyện thể dục thể thao phát triển rộng khắp với nhiều hình thức đa dạng, phong phú; nhiều cơ sở dịch vụ thể dục thể thao được hình thành, thu hút đông đảo người dân tham gia.

(3) Về cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh: Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công được đẩy mạnh, góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số. Tiến hành sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập, nâng cao hiệu quả hoạt động. Trung tâm Phục vụ hành chính công và Bộ phận Một cửa các cấp có nhiều đổi mới, hướng tới sự hài lòng của tổ chức, doanh nghiệp, người dân. Một số chỉ số về năng lực cạnh tranh cấp tỉnh có chuyển biến: Năm 2023, Chỉ số cải cách hành chính tăng 11 bậc, được ghi nhận là tỉnh có chỉ số tăng cao nhất cả nước (*năm 2021, 2022 xếp trong nhóm thấp nhất*). Từ năm 2023, đã khắc phục được các tồn tại, hạn chế kéo dài từ những năm trước, như: Tổng số hồ sơ giải quyết đúng hạn của 3 cấp đều đạt trên 95%, tỷ lệ giải quyết thủ tục hành chính đúng hạn năm 2023 của cả tỉnh đạt 97% (*năm 2022 là 88%, năm 2021 là 83%*); năm 2024 đạt trên 97%; đa số các cơ quan, đơn vị đều đạt tỷ lệ trên 95%.

(4) Về phát triển kinh tế biển gắn với đẩy mạnh thu hút đầu tư phát triển, nhất là Khu Kinh tế Nam Phú Yên: Có 2/4 chỉ tiêu đạt, vượt mục tiêu đề ra; đã tích hợp toàn bộ quy hoạch ngành vào quy hoạch tỉnh, trong đó chú ý về quy hoạch các địa phương ven biển, định hướng liên kết phát triển kinh tế liên vùng, liên tỉnh; tập trung nghiên cứu xây dựng mô hình kinh tế biển trọng điểm; từng bước củng cố và hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hiện đại hóa các ngành kinh tế biển quan trọng, đột phá như: Ngành thủy sản, du lịch, vận tải biển, năng lượng... Cơ sở hạ tầng giao thông, nhất là tuyến giao thông ven biển và nhiều công trình kè sông, kè biển được đầu tư xây dựng. Chú trọng phát triển du lịch biển, đẩy mạnh chuỗi sản xuất và xuất khẩu thủy sản đã nâng cao giá trị kinh tế biển. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội các địa phương vùng ven biển, vùng biển giai đoạn 2021-2025 gấp 1,4 lần so với giai đoạn trước. Đề án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nam Phú Yên đến năm 2040 được phê duyệt; các hạng mục hạ tầng trong Khu Kinh tế Nam Phú Yên được ưu tiên đầu tư; thu hút đầu tư vào Khu kinh tế giai đoạn 2021-2025 khoảng 25.550 tỷ đồng, gấp 03 lần thu hút đầu tư các địa phương vùng biển, ven biển.

(5) Về phát triển nông nghiệp gắn với ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ, phát triển sản phẩm theo chuỗi: Có 7/9 chỉ tiêu đạt, vượt kế hoạch đề ra; cơ cấu nội bộ ngành chuyển dịch tích cực theo hướng phát huy lợi thế so sánh

của ngành, sản phẩm có giá trị gia tăng cao hơn; cơ cấu lại cây trồng, vật nuôi phù hợp với lợi thế của từng địa phương, vùng sinh thái. Nông nghiệp duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định. Số lượng sản phẩm nông nghiệp chủ lực được công nhận nhãn hiệu và thương hiệu tăng cao. Năm 2025, giá trị sản phẩm thu được bình quân 120 triệu đồng/ha đất trồng trọt, gấp 1,54 lần so với năm 2020; giá trị sản phẩm thu được khoảng 1,3 tỷ đồng/ha mặt nước nuôi trồng, gấp 1,59 lần; kim ngạch xuất khẩu thủy sản đạt khoảng 188 triệu USD, đóng góp hơn 50% tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh và gấp 3 lần so với năm 2020. Tỷ lệ lao động nông thôn đã qua đào tạo cao hơn 10% so với năm 2020; số lượng hợp tác xã nông nghiệp và thành lập mới hợp tác xã nông nghiệp ngày càng tăng; thu hút được nhiều các nhà đầu tư có dự án áp dụng quy trình, công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp.

(6) Công tác quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên, khoáng sản, bảo vệ môi trường: Đã tổ chức nhiều hội thảo, hội nghị chuyên đề về khoáng sản, môi trường; cơ bản giải quyết được tình trạng khan hiếm vật liệu xây dựng thông thường; triển khai việc đấu giá quyền khai thác khoáng sản; thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các vi phạm trên lĩnh vực khoáng sản. Tập trung tổ chức đấu giá các mỏ khoáng sản để đảm bảo nguồn cung ứng vật liệu xây dựng phục vụ các dự án; đã tổ chức 14 đợt đấu giá và đấu giá thành công 62 mỏ khoáng sản. Công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất đúng trình tự, thủ tục quy định; tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được đẩy nhanh, đạt 98,85% kế hoạch. Các giải pháp về bảo vệ môi trường được triển khai quyết liệt; công tác theo dõi, dự báo, cảnh báo thiên tai, giám sát môi trường biển, biến đổi khí hậu được thực hiện chặt chẽ; Đề án “Phú Yên xanh” và Đề án 15 triệu cây xanh tỉnh Phú Yên được triển khai rộng khắp..., vượt kế hoạch đề ra.